

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1 MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1 Báo cáo tài chính .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1.1 Khái niệm, mục đích của Báo cáo tài chính.....</b>	<b>3</b>
<i>1.1.1.1 Khái niệm Báo cáo tài chính .....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.2 Mục đích của Báo cáo tài chính.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.3 Đối tượng áp dụng .....</i>	<i>4</i>
<b>1.1.2 Trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính.....</b>	<b>4</b>
<b>1.1.3 Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính.....</b>	<b>5</b>
<b>1.1.4 Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính.....</b>	<b>6</b>
<b>1.1.5 Kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận Báo cáo tài chính.....</b>	<b>8</b>
<i>1.1.5.1 Kỳ lập Báo cáo tài chính .....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.5.2 Thời hạn nộp Báo cáo tài chính.....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.5.3 Nơi nhận Báo cáo tài chính.....</i>	<i>9</i>
<b>1.1.6 Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.....</b>	<b>10</b>
<i>1.1.6.1 Báo cáo tài chính năm .....</i>	<i>10</i>
<i>1.1.6.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ.....</i>	<i>10</i>
<i>1.1.6.3 Báo cáo tài chính hợp nhất.....</i>	<i>11</i>
<i>1.1.6.4 Báo cáo tài chính tổng hợp.....</i>	<i>11</i>
<b>1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh ( Báo cáo thu nhập ) .....</b>	<b>12</b>
<b>1.2.1 Khái niệm.....</b>	<b>12</b>
<b>1.2.2 Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả kinh doanh.....</b>	<b>12</b>
<b>1.2.3 Cơ sở lập báo cáo.....</b>	<b>13</b>
<b>1.2.4 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả kinh doanh.....</b>	<b>15</b>
<b>1.3 Phân tích Báo cáo tài chính .....</b>	<b>19</b>

1.3.1 Khái niệm.....	19
1.3.3 Phương pháp phân tích .....	20
1.3.4 Phương pháp dự báo.....	27
1.3.5 Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh.....	28
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO</b>	
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG MIỀN ĐÔNG.</b>	<b>31</b>
2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP xây dựng Miền Đông.....	31
2.2. Những đặc điểm chủ yếu của Công ty.....	32
2.2.1. Sản phẩm.....	32
2.2.2. Công nghệ.....	32
2.2.3. Điều kiện lao động của công nhân .....	32
2.3 Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty CP xây dựng Miền Đông .....	33
2.4 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	36
2.5 Tổ chức công tác kế toán của Công ty CP xây dựng Miền Đông .....	37
2.5.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán .....	37
2.5.2 Chính sách kế toán áp dụng .....	38
2.5.3 Đặc điểm tổ chức hình thức sổ kế toán .....	39
2.5.3.1 <i>Tổ chức hệ thống chứng từ</i> .....	39
2.5.3.2 <i>Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán</i> .....	40
2.5.3.3 <i>Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán.</i> ....	40
2.5.3.4 <i>Tổ chức vận dụng hệ thống Báo cáo tài chính</i> .....	41
2.6 Những thuận lợi, khó khăn của Công ty.....	42
2.6.1 Thuận lợi .....	42
2.6.2 Khó khăn .....	43
2.7 Thực trạng lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông.....	44
2.7.1 Thực trạng lập Báo cáo kết quả kinh doanh .....	44
2.7.1.1 <i>Trình tự lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty</i> .....	44
2.7.1.2 <i>Căn cứ lập Báo cáo kết quả kinh doanh</i> .....	46

2.7.1.3 <i>Lập Báo cáo kết quả kinh doanh</i> .....	59
2.7.2 <i>Thực trạng phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty</i> .....	63
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG MIỀN ĐÔNG</b> .....	64
<b>3.1 Nhận xét đánh giá về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh</b> .....	64
3.1.1 <b>Những ưu điểm về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông</b> .....	64
3.1.2 <b>Những nhược điểm trong công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh</b> .....	66
<b>3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông</b> .....	66
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	77
<b>KẾT LUẬN</b> .....	78

## LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế thị trường là việc tổ chức nền kinh tế xã hội dựa trên cơ sở một nền sản xuất hàng hóa. Thị trường luôn mở ra các cơ hội kinh doanh mới nhưng đồng thời cũng chứa đựng những nguy cơ đe dọa các doanh nghiệp. Để có thể đứng vững trước quy luật cạnh tranh khắc nghiệt của cơ chế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn vận động, tìm tòi một hướng đi mới cho phù hợp.

Vấn đề nâng cao hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp là mục tiêu cơ bản của nhà quản trị, nó là điều kiện kinh tế cần thiết và quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Hiệu quả kinh doanh là thước đo chất lượng phản ánh trình độ tổ chức, quản lý kinh doanh của các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy các doanh nghiệp luôn quan tâm, tìm mọi biện pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp nói chung và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng nên trong quá trình thực tập tại Công ty CP xây dựng Miền Đông em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông ”.

Nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1:** Một số lý luận chung về lập và phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông.

**Chương 3:** Một số biện pháp hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông.

Trong quá trình viết khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô giáo trong bộ môn quản trị kinh doanh đặc biệt là cô giáo – Th.s Đồng Thị Nga,

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

giáo viên trực tiếp hướng dẫn tốt nghiệp của em và tập thể Ban lãnh đạo, phòng kế toán của Công ty đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Do thời gian nghiên cứu không nhiều và trình độ còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo tận tình của các thầy, cô giáo để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

*Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2010*

**Sinh viên**

***Bùi Thị Thu Hằng***

## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

#### **1.1 Báo cáo tài chính**

##### **1.1.1 Khái niệm, mục đích của Báo cáo tài chính**

###### ***1.1.1.1 Khái niệm Báo cáo tài chính***

Báo cáo kế toán định kỳ (còn gọi là Báo cáo tài chính) bao gồm những báo cáo phản ánh các mặt khác nhau trong hoạt động kinh tế - tài chính của doanh nghiệp nhằm phục vụ yêu cầu quản lý đa dạng ở cấp độ vĩ mô lẫn vi mô. Báo cáo kế toán định kỳ được Nhà nước quy định thống nhất về danh mục hệ thống các chỉ tiêu phương pháp tính toán và xác lập từng chỉ tiêu cụ thể.

Báo cáo kế toán tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản, vốn và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo kế toán tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay, cơ quan thuế,...).

###### ***1.1.1.2 Mục đích của Báo cáo tài chính***

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra những quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản;
- Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu;
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác;
- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh;
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước;
- Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán;

- Các luồng tiền.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “ Bản thuyết minh báo cáo tài chính ” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### ***1.1.1.3 Đối tượng áp dụng***

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc các ngành và các thành phần kinh tế riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định tại phần này và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự được quy định bổ sung ở Chuẩn mực kế toán số 22 “ Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự ” và các văn bản quy định cụ thể.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, ngành đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

Công ty mẹ và tập đoàn lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải tuân thủ quy định tại Chuẩn mực kế toán “ Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con ”.

Đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc hoặc Tổng Công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình không có công ty con phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư hướng dẫn kế toán thực hiện Chuẩn mực kế toán số 25 “ Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con ”.

Hệ thống Báo cáo tài chính giữa niên độ “ Báo cáo tài chính quý ” được áp dụng cho các DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp khác khi tự nguyện lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **1.1.2 Trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính**

- Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày Báo cáo tài chính năm. Các công ty, Tổng Công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập Báo cáo tài chính năm của công ty, Tổng Công ty

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

còn phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên Báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng Công ty.

- Đối với DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ. Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập Báo cáo tài chính giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược. Đối với Tổng Công ty Nhà nước và DNNN có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Công ty mẹ và tập đoàn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 11 “ Hợp nhất kinh doanh ”. Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện từ năm 2008.

### **1.1.3 Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “ Trình bày báo cáo tài chính ” gồm:

- Trung thực và hợp lý;  
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với quy định của từng Chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy khi:

+ Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng;

+ Trình bày khách quan, không thiên vị;

+ Tuân thủ nguyên tắc thận trọng;

+ Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.



***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Việc lập Báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

#### **1.1.4 Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ sáu (06) nguyên tắc đã được quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “ Trình bày báo cáo tài chính ” gồm:

◆ Nguyên tắc hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính thường được lập trên giả thiết rằng doanh nghiệp đang hoạt động và sẽ tiếp tục hoạt động trong một tương lai có thể thấy được. Nói cách khác, doanh nghiệp không có dự định hoặc không cần phải giải thể, hay thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Ngược lại, nếu doanh nghiệp dự định hay cần phải làm như vậy, Báo cáo tài chính có thể phải lập trên một cơ sở khác và khi đó cần phải khai báo về cơ sở này.

◆ Cơ sở dồn tích:

Để đạt được các mục tiêu của mình, các Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích. Theo đó, ảnh hưởng của các nghiệp vụ và sự kiện được ghi nhận khi chúng xảy ra (chứ không phải khi thu tiền hay thanh toán tiền) và chúng được ghi chép vào sổ kế toán đồng thời báo cáo trên Báo cáo tài chính vào thời kỳ mà chúng có liên quan.

◆ Nguyên tắc nhất quán:

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp áp dụng các khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực, phương pháp tính toán nhất quán từ kỳ này sang kỳ khác.

◆ Trọng yếu và tập hợp:

Nguyên tắc này cho rằng nếu có những sai sót nhỏ, không trọng yếu có thể chấp nhận được nếu các khoản mục này không làm ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính, tức là không làm thay đổi quyết định của những người sử dụng thông tin. Đồng thời thông tin cung cấp phải dựa trên cơ sở tập hợp đầy đủ, không phân tán rải rác làm nhiễu thông tin cho người đưa ra quyết định.

◆ Nguyên tắc bù trừ:

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Khi ghi nhận các giao dịch kinh tế và các sự kiện để lập và trình bày Báo cáo tài chính không được bù trừ tài sản và công nợ, mà phải trình bày riêng biệt tất cả các khoản mục tài sản và công nợ trên Báo cáo tài chính.

Bù trừ doanh thu, thu nhập khác và chi phí khi được bù trừ theo quy định tại một Chuẩn mực kế toán khác; hoặc một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày Báo cáo tài chính, ví dụ:

- Đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán ngắn hạn:

Lãi (lỗ) bán chứng khoán = Thu bán chứng khoán – Giá gốc chứng khoán

- Đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

Lãi (lỗ) mua bán ngoại tệ = Thu bán ngoại tệ – Giá mua ngoại tệ

Các khoản mục được bù trừ được trình bày: Số lãi (hoặc lỗ thuần).

♦ Nguyên tắc có thể so sánh:

Theo nguyên tắc có thể so sánh giữa các kỳ kế toán, trong các Báo cáo tài chính như: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phải trình bày các số liệu để so sánh, cụ thể:

• Đối với Bảng cân đối kế toán:

- Bảng cân đối kế toán năm phải trình bày số liệu so sánh theo từng chỉ tiêu tương ứng được lập vào cuối kỳ kế toán năm trước gần nhất (số đầu năm).

- Bảng cân đối kế toán quý phải trình bày số liệu so sánh từng chỉ tiêu tương ứng được lập vào cuối kỳ kế toán năm trước gần nhất (số đầu năm).

• Đối với Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm phải trình bày số liệu so sánh theo từng chỉ tiêu tương ứng được lập cho kỳ kế toán năm trước;

- Báo cáo kết quả kinh doanh lập theo kỳ kế toán quý phải trình bày số liệu của quý báo cáo và số lũy kế từ đầu năm đến ngày lập Báo cáo tài chính quý và có thể có số liệu so sánh theo từng chỉ tiêu của Báo cáo kết quả kinh doanh quý cùng kỳ năm trước (quý này năm trước).

• Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm phải trình bày số liệu so sánh theo từng chỉ tiêu tương ứng được lập cho kỳ kế toán năm trước gần nhất (năm trước);
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý phải trình bày số lũy kế từ đầu năm đến ngày lập Báo cáo tài chính quý và có thể có số liệu so sánh theo từng chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý cùng kỳ năm trước (quý này năm trước).

Để bảo đảm nguyên tắc so sánh, số liệu “Năm trước” trong Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải được điều chỉnh lại số liệu trong các trường hợp:

- Năm báo cáo áp dụng chính sách kế toán khác với năm trước;
- Năm báo cáo phân loại chỉ tiêu báo cáo khác với năm trước;
- Kỳ kế toán “Năm báo cáo” dài hoặc ngắn hơn kỳ kế toán năm trước.

### **1.1.5 Kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận Báo cáo tài chính**

#### ***1.1.5.1 Kỳ lập Báo cáo tài chính***

- Kỳ lập Báo cáo tài chính năm: Các doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.
- Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ: Kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV).
- Kỳ lập Báo cáo tài chính khác: Các doanh nghiệp có thể lập Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác (như tuần, tháng, 6 tháng, 9 tháng,...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu. Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

#### ***1.1.5.2 Thời hạn nộp Báo cáo tài chính***

◆ Đối với DNNN:

- Thời hạn nộp Báo cáo tài chính quý:

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

+ Đơn vị kế toán phải nộp Báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý, đối với Tổng Công ty Nhà nước chậm nhất là 45 ngày.

+ Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng Công ty Nhà nước nộp Báo cáo tài chính quý cho Tổng Công ty theo thời hạn do Tổng Công ty quy định.

- Thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm:

+ Đơn vị kế toán phải nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối với Tổng Công ty Nhà nước chậm nhất là 90 ngày.

+ Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng Công ty Nhà nước nộp Báo cáo tài chính năm cho Tổng Công ty theo thời hạn do Tổng Công ty quy định.

◆ Đối với các loại doanh nghiệp khác:

- Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày.

- Đơn vị kế toán trực thuộc nộp Báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

### **1.1.5.3 Nơi nhận Báo cáo tài chính**

**Biểu số 1:**

Các loại doanh nghiệp	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	Doanh nghiệp cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý Năm	X	X	X	X	X
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	X	X	X	X	X
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		X	X	X	X

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

◆ Đối với các DNNN đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp Báo cáo tài chính cho Sở tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đối với DNNN Trung ương còn nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Cục tài chính doanh nghiệp).

- Đối với các loại DNNN như: Ngân hàng thương mại, công ty xổ số kiến thiết, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Vụ tài chính ngân hàng). Riêng các công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

◆ Các doanh nghiệp phải gửi Báo cáo tài chính cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế tại địa phương. Đối với các Tổng Công ty Nhà nước còn phải nộp Báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính (Tổng cục thuế).

◆ DNNN có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp Báo cáo tài chính cho đơn vị kế toán cấp trên. Đối với doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp cho đơn vị kế toán cấp trên theo quy định của đơn vị kế toán cấp trên.

◆ Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán Báo cáo tài chính thì phải kiểm toán trước khi nộp Báo cáo tài chính theo quy định. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp đã thực hiện kiểm toán phải đính kèm báo cáo kiểm toán vào Báo cáo tài chính khi nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

### **1.1.6 Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp**

#### ***1.1.6.1 Báo cáo tài chính năm***

Báo cáo tài chính năm gồm:

- |                                     |                  |
|-------------------------------------|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán              | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả kinh doanh        | Mẫu số B 02 - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ        | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 - DN |

#### ***1.1.6.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ***

◆ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ gồm:

- |   |                   |
|---|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ) | Mẫu số B 01a - DN |
| - Báo cáo kết quả kinh doanh                      | Mẫu số B 02a - DN |

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

---

giữa niên độ (dạng đầy đủ)

- |  |                   |
|--|-------------------|
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ<br>(dạng đầy đủ)   | Mẫu số B 03a - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc                 | Mẫu số B 09a - DN |
| ◆ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược gồm:          |                   |
| - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng tóm lược)          | Mẫu số B 01b - DN |
| - Báo cáo kết quả kinh doanh<br>giữa niên độ (dạng tóm lược) | Mẫu số B 02b - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ<br>(dạng tóm lược) | Mẫu số B 03b - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc                 | Mẫu số B 09a - DN |

#### **1.1.6.3 Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty mẹ và tập đoàn là đơn vị có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu ở thời điểm lập Báo cáo tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo của đơn vị.

Hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất gồm 4 biểu mẫu báo cáo:

- |  |                     |
|--|---------------------|
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất              | Mẫu số B 01 – DN/HN |
| - Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất        | Mẫu số B 02 – DN/HN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất        | Mẫu số B 03 – DN/HN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | Mẫu số B 09 – DN/HN |

Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày, thời hạn lập, nộp và công khai Báo cáo tài chính hợp nhất thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày báo cáo tài chính” và Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con” và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”

#### **1.1.6.4 Báo cáo tài chính tổng hợp**

Các đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc hoặc Tổng công ty Nhà nước thành lập và hoạt động theo mô hình không có công ty con phải lập Báo cáo tài chính tổng hợp, để tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu ở thời điểm lập Báo cáo tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh trong kỳ báo cáo của toàn đơn vị.

Hệ thống Báo cáo tài chính tổng hợp gồm 4 biểu mẫu báo cáo:

- |                                     |                  |
|-------------------------------------|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán              | Mẫu số B 01 – DN |
| - Báo cáo kết quả kinh doanh        | Mẫu số B 02 – DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ        | Mẫu số B 03 – DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 – DN |

Nội dung, hình thức trình bày, thời hạn lập, nộp và công khai Báo cáo tài chính tổng hợp thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày báo cáo tài chính” và Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con”

## **1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh ( Báo cáo thu nhập )**

### **1.2.1 Khái niệm**

Báo cáo kết quả kinh doanh còn gọi là báo cáo thu nhập hay báo cáo lợi tức là Báo cáo tài chính tổng hợp về tình hình và kết quả kinh doanh, phản ánh thu nhập qua một thời kỳ kinh doanh. Riêng Việt Nam, báo cáo thu nhập còn có thêm phần kê khai tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Ngân sách Nhà nước và tình hình thực hiện thuế GTGT.

Báo cáo thu nhập chỉ tập trung vào chỉ tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, hạn chế của báo cáo thu nhập là kết quả thu nhập tùy thuộc vào quan điểm kế toán trong quá trình hạch toán (định khoản), chi phí (chi phí khấu hao, phân bổ chi phí, hạch toán hàng tồn kho,...). Hơn nữa, doanh thu chỉ được ghi nhận khi nghiệp vụ phát sinh (theo quan điểm của thuế: khi có hóa đơn bán hàng và khi nhận được tiền). Nhược điểm này dẫn đến sự cần thiết của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

### **1.2.2 Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả kinh doanh**

#### **◆ Nội dung:**

Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ kinh doanh) của từng mặt hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Các yếu tố cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Doanh thu (Sales Revenue).

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

- Giá vốn hàng bán (Cost of Goods Sold).
- Lãi gộp (Gross Margin/Gross Profit).
- Chi phí kinh doanh (Operating Expenses).
  - + Chi phí bán hàng (Selling Expenses).
  - + Chi phí quản lý doanh nghiệp (General and Administrative Expenses).
- Tổng chi phí kinh doanh (Total Operating Expenses).
- Lãi từ hoạt động kinh doanh (Income from Operating).
- Lợi tức và chi phí không kinh doanh (Non Operating Income and Expenses).
- Lãi (lỗ) trước thuế lợi tức (Income before tax).
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (Chi phí) (Income Tax Expenses).
- Lãi ròng sau thuế (Net Income after tax).

◆ **Kết cấu:**

Báo cáo kết quả kinh doanh gồm 5 cột:

- Cột số 1: Các chỉ tiêu báo cáo;
- Cột số 2: Mã số của các chỉ tiêu tương ứng;
- Cột số 3: Số liệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện trên các chỉ tiêu của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính;
- Cột số 4: Tổng số phát sinh trong kỳ báo cáo năm;
- Cột số 5: Số liệu của năm trước ( để so sánh ).

### **1.2.3 Cơ sở lập báo cáo**

- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước.
- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9. Căn cứ vào các quy định của Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày báo cáo tài chính”, Báo cáo kết quả kinh doanh gồm tối thiểu các khoản mục chủ yếu và được sắp xếp theo kết cấu quy định.



*Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông*

**Biểu số 2:**

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị báo cáo:.....

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ:.....

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC )

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Năm .....

ĐVT:.....

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25		
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10			
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27		
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7	Chi phí tài chính	22	VI.28		
	Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30		
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày... tháng ... năm ...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **1.2.4 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số liệu ghi vào cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm.
- Số liệu ghi vào cột 5 “Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước

◆ Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 4 “Năm nay” như sau:

##### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 ”Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

##### **2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” đối ứng với bên Có các TK 521 “Chiết khấu thương mại”, TK 531 “Hàng bán bị trả lại”, TK 532 “Giảm giá hàng bán”, TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” (TK 3331, 3332, 3333) trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

##### **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)**

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Mã số 10 = Mã số 01 – Mã số 02

#### **4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn của hàng hóa, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của TK 632 “Giá vốn hàng bán” trong kỳ báo cáo đối ứng bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký -Sổ Cái.

#### **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)**

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 20 = Mã số 10 - Mã số 11

#### **6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần (Tổng doanh thu trừ (-) thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (nếu có) liên quan đến hoạt động khác) phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng với bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

#### **7. Chi phí tài chính (Mã số 22)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động kinh doanh,...phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

#### **8. Chi phí lãi vay (Mã số 23)**

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ kế toán chi tiết TK 635.

**9. Chi phí bán hàng (Mã số 24)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí bán hàng hóa, thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên Có của TK 641 “Chi phí bán hàng” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên Có của TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)**

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được tính toán trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cộng (+) doanh thu hoạt động tài chính trừ (-) chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo.

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

**12. Thu nhập khác (Mã số 31)**

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác (sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ của TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên Có của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

**13. Chi phí khác (Mã số 32)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái.

**14. Lợi nhuận khác (Mã số 40)**

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 40 = Mã số 31 – Mã số 32.

**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kỳ báo cáo.

Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40

**16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8211 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)) trên sổ kế toán chi tiết TK 8211.

**17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)**

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8212 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8212 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)) trên sổ kế toán chi tiết TK 8212.

**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)**

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp (sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) phát sinh trong năm báo cáo.

Mã số 60 = Mã số 50 - Mã số 51 + Mã số 52)

## **19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)**

Chỉ tiêu được hướng dẫn cách tính toán theo thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi trên cổ phiếu”

### **1.3 Phân tích Báo cáo tài chính**

#### **1.3.1 Khái niệm**

Phân tích Báo cáo tài chính là quá trình thu thập thông tin, xem xét, đối chiếu, so sánh số liệu về tình hình tài chính hiện hành và quá khứ của doanh nghiệp, giữa đơn vị và chỉ tiêu bình quân ngành để từ đó có thể xác định được thực trạng tài chính và tiên đoán cho tương lai về xu hướng, tiềm năng kinh tế của doanh nghiệp nhằm xác lập một giải pháp kinh tế, điều hành, quản lý, khai thác có hiệu quả để được lợi nhuận mong muốn.

#### **1.3.2 Mục đích phân tích Báo cáo tài chính**

Phân tích Báo cáo tài chính là đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của nhiều đối tượng quan tâm đến những khía cạnh khác nhau về tài chính để phục vụ cho các mục đích của mình.

Đối với nhà quản trị nhằm các mục tiêu tạo thành các chu kỳ đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh quá khứ, tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro, tài chính của doanh nghiệp. Định hướng các quyết định của Ban lãnh đạo như: quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi tức, cổ phần,... Phân tích Báo cáo tài chính là cơ sở cho các dự báo tài chính, kế hoạch đầu tư, phân ngân sách tiền mặt,... là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý.

Đối với đơn vị chủ sở hữu, thường quan tâm đến lợi nhuận và khả năng trả nợ, sự an toàn của tiền vốn bỏ ra. Thông qua phân tích Báo cáo tài chính, giúp họ đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng điều hành hoạt động của nhà quản trị, từ đó quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản trị, cũng như quyết định việc phân phối kết quả kinh doanh.

Đối với chủ nợ như ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp mỗi quan tâm của họ là hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Do đó, họ cần chú ý đến

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

tình hình và khả năng thanh toán của đơn vị cũng như quan tâm đến lượng vốn chủ sở hữu, khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không khi quyết định cho vay, bán chịu sản phẩm cho đơn vị.

Đối với nhà đầu tư trong tương lai điều mà họ quan tâm là sự an toàn của lượng vốn đầu tư, kế đó là mức độ sinh lãi, thời gian hoàn vốn. Vì vậy họ cần những thông tin về tài chính, tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp. Họ thường phân tích Báo cáo tài chính của đơn vị qua các thời kỳ để quyết định đầu tư vào đơn vị hay không, đầu tư dưới hình thức nào và vào lĩnh vực nào.

Đối với cơ quan chức năng như thuế, thông qua Báo cáo tài chính, xác định các khoản nghĩa vụ phải thực hiện với Nhà nước, cơ quan thống kê tổng hợp phân tích hình thành số liệu thống kê, chỉ số thống kê,...

### **1.3.3 Phương pháp phân tích**

◆ Phân tích theo chiều ngang:

Phân tích theo chiều ngang các Báo cáo tài chính sẽ làm nổi bật biến động của một khoản mục nào đó qua thời gian, việc phân tích này làm rõ tình hình, đặc điểm về lượng và tỷ lệ khoản mục theo thời gian. Phân tích giúp đánh giá khái quát biến động các chỉ tiêu tài chính. Đánh giá từ tổng quát đến chi tiết, sau khi đánh giá cho ta liên kết các thông tin để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro, nhận ra những khoản có biến động cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 3:**

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch (%)	
	2008	2009	2008	2009
Tổng doanh thu			100	
Doanh thu ròng			100	
Giá vốn hàng bán			100	
Lãi gộp			100	
Chi phí bán hàng			100	
Chi phí quản lý doanh nghiệp			100	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			100	
Thu nhập từ hoạt động tài chính			100	
Chi phí từ hoạt động tài chính			100	
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính			100	
Các khoản thu nhập bất thường			100	
Chi phí bất thường			100	
Lợi nhuận bất thường			100	
Tổng lợi nhuận trước thuế			100	
Thuế thu nhập doanh nghiệp			100	
Lợi nhuận sau thuế			100	

◆ Phân tích theo chiều dọc (phân tích theo quy mô chung):

Với báo cáo quy mô chung, từng khoản mục được thể hiện bằng một tỷ lệ kết cấu so với một khoản mục được chọn làm gốc có tỷ lệ là 100%. Phân tích theo chiều dọc giúp ta đưa về một điều kiện so sánh, dễ dàng thấy được kết cấu của từng chỉ tiêu tổng thể tăng hay giảm như thế nào. Từ đó đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp.



**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 4:**

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch (%)	
	2008	2009	2008	2009
Tổng doanh thu			100	100
Doanh thu ròng			100	100
Giá vốn hàng bán				
Lãi gộp				
Chi phí bán hàng				
Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
Thu nhập từ hoạt động tài chính				
Chi phí từ hoạt động tài chính				
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính				
Các khoản thu nhập bất thường				
Chi phí bất thường				
Lợi nhuận bất thường				
Tổng lợi nhuận trước thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Lợi nhuận sau thuế				

◆ Phân tích các chỉ số chủ yếu:

Phân tích các chỉ số cho biết mối quan hệ của các chỉ tiêu trên báo cáo, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất và khuynh hướng tài chính của doanh nghiệp. Sau đây là các nhóm chỉ tiêu chủ yếu được sử dụng để phân tích tài chính

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 5:**

<b>Tên tỷ số</b>	<b>Tử số</b>	<b>Mẫu số</b>	<b>Ý nghĩa</b>
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Tài sản lưu động	Nợ ngắn hạn	Khả năng trả nợ ngắn hạn mà không phải vay thêm
Hệ số thanh toán nhanh	Tiền và các chứng khoán ngắn hạn	Nợ ngắn hạn	Khả năng trả nợ ngắn hạn mà không cần vay thêm, và không cần đến hàng tồn kho và các khoản phải thu
Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh	Tài sản lưu động từ hàng tồn kho	Tổng nợ ngắn hạn	Khả năng thanh toán thực sự của doanh nghiệp
Tỷ lệ tiền mặt	Tiền và các chứng khoán ngắn hạn	Tài sản lưu động	"Sức mạnh" của tài sản lưu động
Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền	Vốn bằng tiền trừ đầu tư ngắn hạn	Tổng nợ ngắn hạn	Khả năng thanh toán tức thời của một doanh nghiệp
Ngân lưu trả nợ ngắn hạn	Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	Nợ ngắn hạn	Khắc phục yếu điểm về "tính thời điểm" của hệ số thanh toán ngắn hạn, ý nghĩa là dòng tiền từ hoạt động chính trong kỳ có đủ để trả nợ hay không
Số vòng quay tài sản	Doanh thu	Tài sản	Hiệu quả sử dụng tài sản
Số vòng quay tài sản cố định	Doanh thu	Tài sản cố định	Cường độ sử dụng tài sản cố định
Số vòng quay vốn lưu động	Doanh thu	Tài sản lưu động - Nợ ngắn hạn	Hiệu quả sử dụng và kiểm soát vốn lưu động
Số ngày quay vòng vốn lưu động	360 ngày	Số vòng quay vốn lưu động	Cách nhìn khác về hiệu quả sử dụng và kiểm soát vốn lưu động
Số vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán	Hàng tồn kho bình quân	Tốc độ luân chuyển hàng tồn kho, hiệu quả sử dụng vốn lưu động
Số ngày tồn kho	360 ngày	Số vòng quay	Số ngày trung bình hàng hóa

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

		hàng tồn kho	nằm trong kho chờ bán
Số vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu	Khoản phải thu bình quân	Tốc độ thu nợ, hiệu quả sử dụng tài sản lưu động, thể hiện chính sách bán chịu
Số ngày thu tiền	360 ngày	Số vòng quay các khoản phải thu	Số ngày trung bình để thu được các khoản nợ phải thu (số ngày trung bình cho khách hàng nợ)
Số vòng quay các khoản phải trả	Doanh số mua hàng	Khoản phải trả bình quân	Tốc độ trả nợ là một hệ số "kiểm soát nợ" nói lên khả năng "tri hoãn" trả nợ cho người bán
Số ngày trả tiền	360 ngày	Số vòng quay các khoản phải trả	Số ngày trung bình để trả các khoản phải trả (số ngày trung bình người bán cho thiếu nợ)
Số ngày bán hàng tạo quỹ tiền mặt	Tiền mặt tồn quỹ bình quân	Doanh thu bình quân 1 ngày	Mức độ tồn quỹ phù hợp với quy mô hoạt động
Suất sinh lời của doanh thu (ROS: Return on sales)	Lãi ròng	Doanh thu	Một đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lãi ròng
Suất sinh lời của tài sản (ROA: Return on assets)	Lãi ròng	Tài sản	Một đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng lãi ròng
Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE: Return on equity)	Lãi ròng	Vốn chủ sở hữu	Một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra bao nhiêu đồng lãi ròng
Đòn bẩy tài chính (FL: Financial leveragr)	Tài sản	Vốn chủ sở hữu	Luôn lớn hơn hoặc bằng 1. Thể hiện mức độ vay nợ. FL=1 thì 100% là vốn chủ sở hữu, FL=2 thì tỷ lệ này là 50%, FL>2 thì tỷ lệ nợ lớn hơn vốn chủ sở hữu

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

Suất sinh lời của tổng vốn đầu tư (ROIC: Return on investment capital)	Lãi ròng + Lãi vay x (1-thuế suất)	Tài sản	Một đồng vốn nói chung (của chủ sở hữu và nhà cho vay) tạo ra bao nhiêu đồng lãi ròng
Suất sinh lời của tổng vốn đầu tư tính theo EBIT	EBIT x (1-thuế suất)	Tài sản	Một đồng vốn nói chung (của chủ sở hữu và nhà cho vay) tạo ra bao nhiêu lợi nhuận ròng
Tỷ lệ lãi gộp	Lãi gộp	Doanh thu	Thể hiện cơ cấu chi phí nếu đồng hóa lãi gộp với hiệu số gộp
Tỷ lệ lãi gộp so với hàng tồn kho bình quân	Lãi gộp	Hàng tồn kho bình quân	Thể hiện mức độ hoàn vốn đầu tư vào hàng tồn kho
Lợi nhuận mỗi cổ phiếu (EPS: Earnings per share)	Lãi ròng	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (bình quân trong kỳ)	Mức khả năng sinh lãi của mỗi cổ phiếu
Hệ số giá cả trên thu nhập (P/E: price/earnings)	Giá thị trường của cổ phiếu	Lợi nhuận mỗi cổ phiếu	Giá phải trả cho 1 đồng thu nhập. Thể hiện sự đánh giá của thị trường đối với hoạt động của công ty trong tương lai
Giá thị trường với giá trị sổ sách (MV/BV: market value/book value)	Giá thị trường	Giá trị sổ sách	Cũng là chỉ tiêu đánh giá của thị trường đối với hoạt động của công ty trong tương lai
Tỷ lệ nợ trên tài sản (D/A: debt/assets)	Nợ phải trả	Tài sản	Mức độ trang trải cho tài sản bằng nợ vay
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản (E/A: equity/assets)	Vốn chủ sở hữu	Tài sản	Mức độ trang trải cho tài sản bằng vốn chủ sở hữu
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E: debt/equity)	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu	Có bao nhiêu đồng nợ vay tham gia cùng với 1 đồng vốn chủ sở hữu

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

Hệ số chi trả lãi vay	EBIT	Lãi vay	Khả năng chi trả lãi vay từ hoạt động kinh doanh
Hệ số chi trả nợ vay	EBIT	Lãi vay + Nợ gốc	Khả năng chi trả lãi vay và nợ gốc từ hoạt động kinh doanh
Ngân lưu trả nợ chung	Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	Tổng nợ phải trả	Khả năng kiếm tiền từ hoạt động chính để trả nợ
Hệ số nợ	Tổng nợ	Tổng nguồn vốn	Quan hệ giữa nợ và vốn của doanh nghiệp
Bội số định phí	Lợi nhuận trước thuế trừ định phí	Định phí	Đo mức độ lợi nhuận phát sinh do sử dụng vốn

◆ Phương pháp liên hệ cân đối:

Khi tiến hành phân tích, chúng ta cần chú ý đến mối quan hệ, tính cân đối cần thiết và hữu dụng trong quản lý tài chính của từng thời kỳ, từng doanh nghiệp, từng hoàn cảnh kinh tế. Không nên quá chú trọng vào lý thuyết xét về mặt kỹ thuật làm cho việc phân tích tản mạn và không hữu ích.

Tóm lại, để đạt được mục tiêu của việc đánh giá mức sinh lợi và rủi ro của một công ty, sẽ lần lượt xác định các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời và các hệ số phản ánh khả năng thanh toán, sau đó so sánh các chỉ tiêu này với các chỉ tiêu tương ứng của:

- Kỳ kế hoạch
- Kỳ trước của công ty
- Của một công ty khác trong cùng ngành
- Bình quân của các công ty trong cùng ngành.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm:

- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản.
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
- Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần thường.
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu thường.

Các chỉ tiêu đo lường rủi ro ngắn hạn gồm:

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh
- Tỷ suất vòng quay vốn lưu động, các chỉ tiêu liên quan: Số ngày luân chuyển hàng tồn kho; Số ngày tồn đọng các khoản chi phí; Số ngày tồn đọng các khoản phải trả

Các chỉ tiêu đo lường rủi ro thanh khoản dài hạn:

- Tỷ lệ nợ trên vốn
- Tỷ lệ ngân lưu từ hoạt động kinh doanh trên tổng nợ.
- Tỷ lệ bảo đảm lãi vay
- Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần thường.

#### **1.3.4 Phương pháp dự báo**

◆ Mô hình hồi quy theo phương pháp bình phương bé nhất.

Đây là phương pháp toán học được vận dụng trong phân tích kinh tế. Việc sử dụng phương pháp này sẽ giúp chúng ta biết được xu hướng biến động của các khoản mục, chỉ số qua các năm, đồng thời nó còn phục vụ cho công tác dự báo các số liệu tương lai.

◆ Phương pháp dự báo theo tỷ lệ % so với doanh thu.

Một cách đơn giản để dự báo hoạt động tài chính của công ty là đặt trong mối quan hệ giữa báo cáo thu nhập và bảng cân đối kế toán với doanh thu dự kiến trong tương lai. Các hệ số của tỷ lệ phần trăm so với doanh thu, biến phí và hầu hết đối với tài sản lưu động nợ ngắn hạn đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động của doanh thu. Tất nhiên, không phải toàn bộ các khoản mục đều chịu ảnh hưởng này và chắc chắn là một vài dự báo cần tính toán một cách độc lập. Dù vậy, phương pháp tỷ lệ phần trăm so với doanh thu là một phương pháp đơn giản, cho phép dự báo hầu hết các biến số tài chính quan trọng.

◆ Phương pháp cảm tính:

Căn cứ vào những dự báo khách quan về sự thay đổi của thị trường trong tương lai và bằng cảm tính chúng ta có thể ước đoán mức độ thay đổi của các khoản mục trong năm tiếp theo.

### **1.3.5 Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh**

◆ Nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng chi phí:

1. Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần: là tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần, được tính toán bằng công thức sau:

$$\text{Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Trị giá vốn hàng bán}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho biết trong tổng số doanh thu thuần thu được, trị giá vốn hàng bán chiếm bao nhiêu % hay cứ 100 đồng doanh thu thuần thu được doanh nghiệp phải bỏ ra bao nhiêu đồng trị giá vốn hàng bán. Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần càng nhỏ chứng tỏ việc quản lý các khoản chi phí trong giá vốn hàng bán càng tốt và ngược lại.

2. Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần: là tỷ lệ % của chi phí bán hàng trong tổng số doanh thu thuần. Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần được tính bằng công thức sau:

$$\text{Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Chi phí bán hàng}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh để thu được 100 đồng doanh thu thuần doanh nghiệp phải bỏ ra bao nhiêu đồng chi phí bán hàng.

Tỷ suất chi phí bán hàng càng nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp tiết kiệm chi phí bán hàng và kinh doanh càng có hiệu quả và ngược lại.

3. Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần là tỷ lệ % giữa chi phí quản lý doanh nghiệp trong tổng doanh thu thuần.

$$\text{Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho biết để thu được 100 đồng doanh thu thuần doanh nghiệp phải chi bao nhiêu đồng chi phí quản lý doanh nghiệp.

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả quản lý các khoản chi phí quản trị doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

♦ Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh:

1. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần là tỷ lệ % của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong doanh thu thuần. Chỉ tiêu này được tính toán như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận từ} \\ \text{hoạt động kinh doanh} \\ \text{trên doanh thu thuần} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Nó cho biết: cứ 100 đồng doanh thu thuần sinh ra bao nhiêu đồng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

2. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế (lợi nhuận kế toán) trên doanh thu thuần là tỷ lệ % của lợi nhuận kế toán trong doanh thu thuần. Chỉ tiêu này được tính toán như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế} \\ \text{(lợi nhuận kế toán)} \\ \text{trên doanh thu thuần} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} \\ \text{(lợi nhuận kế toán)}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu thuần phản ánh kết quả của các hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành. Nó cho biết cứ 100 đồng doanh thu thuần có bao nhiêu đồng lợi nhuận kế toán.

3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần là tỷ lệ % của lợi nhuận sau thuế trong tổng doanh thu thuần

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất} \\ \text{lợi nhuận sau thuế trên} \\ \text{doanh thu thuần} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$



***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh. Nó cho biết cứ 100 đồng doanh thu thuần có bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

Thực chất của việc tính toán, nhóm các chỉ tiêu trên là việc xác định tỷ lệ từng chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh so với tổng thể là doanh thu thuần. Có nghĩa là lấy doanh thu thuần làm tổng thể quy mô chung, những chỉ tiêu khác trên báo cáo kết quả kinh doanh là tỷ trọng từng phần trong quy mô chung đó.

Về phương pháp phân tích thông qua các chỉ tiêu này là so sánh kỳ này với kỳ trước (năm nay với năm trước) của từng chỉ tiêu để xác định dấu hiệu của tính hiệu quả hoặc không hiệu quả làm tiền đề cho việc lựa chọn, đi sâu tìm hiểu các vấn đề khác, làm rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG MIỀN ĐÔNG**

#### **2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP xây dựng Miền Đông**

Công ty CP xây dựng Miền Đông là DNNN do UBND thành phố Hải Phòng thành lập tại quyết định số 88/TCCQ-UB ngày 15/01/1993 theo Nghị định số 388/HĐBT về sắp xếp lại DNNN.

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông.
- Trụ sở giao dịch : Số 275 Lạch Tray – Ngô Quyền - Hải Phòng.
- Điện thoại : (0313)846434 – 826165 - 836701

UBND thành phố Hải Phòng giao cho Sở Xây dựng kết hợp với các cơ quan hữu quan giúp UBND thành phố Hải Phòng thực hiện chức năng nói trên.

Công ty có nhiệm vụ quy định tại Điều 3 “quy chế thành lập giải thể doanh nghiệp Nhà nước” ban hành kèm theo Nghị định 388 HĐBT. Nhiệm vụ cụ thể quy định tại Quyết định số 88 TCCQ ngày 15/01/1993 của UBND thành phố Hải Phòng.

Công ty đăng ký kinh doanh những ngành nghề và nhóm ngành nghề chính sau:

- + Sản xuất gạch đất nung và ốp lát gạch các loại.
- + Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng và chất đốt.
- + Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ ngành xây dựng.
- + Xây dựng dân dụng quy mô vừa.

Thực chất trước khi Công ty được thành lập, các ngành nghề trên được hạch toán độc lập ở các cơ sở sản xuất kinh doanh khác nhau : Hợp tác xã mua bán, xí nghiệp sản xuất kinh doanh ...

Cùng với xu thế phát triển của ngành trong thời kỳ đổi mới, thêm vào đó là hạn chế về điều kiện sản xuất kinh doanh nên cho tới nay công ty sản xuất chính là Xí nghiệp Gốm Gò Công.

## **2.2. Những đặc điểm chủ yếu của Công ty**

### **2.2.1. Sản phẩm**

Sản phẩm gạch chống nóng của công ty được đánh giá là hàng Việt Nam chất lượng cao và thường xuyên được đem trưng bày tại Triển lãm Giảng Võ Hà Nội. Xét về hình thức sản phẩm thì gạch của Công ty có thể được chia làm 2 loại: Gạch 2 lỗ, 3, 4, 6, 9 lỗ trong đó gạch 2 lỗ là mặt hàng được đánh giá là có triển vọng để chiếm lĩnh thị trường trong một vài năm tới và được công ty chú trọng sản xuất đại trà với số lượng lớn.

### **2.2.2. Công nghệ**

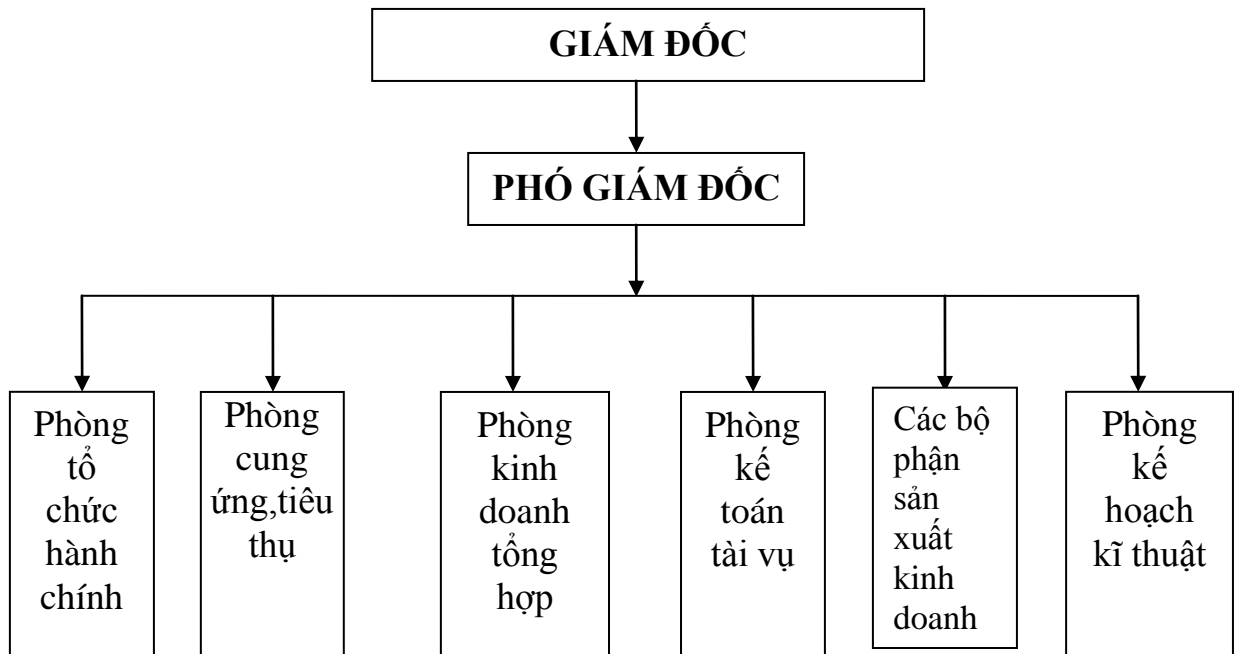
Nếu như trước năm 1997 công ty chỉ có một dây chuyền sản xuất và việc sản xuất chủ yếu dựa vào lao động thủ công là chính thì từ năm 1997 trở lại đây công ty đã lắp đặt được dây chuyền II, đồng thời cải tiến dây chuyền I cho đồng bộ với dây chuyền II. Đây là dây chuyền chế biến tạo hình được nhập từ Tiệp Khắc và Italia với lò nung sấy tuylen do các chuyên gia Bungari trực tiếp chuyển giao công nghệ thông qua hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Gần chục năm qua, xí nghiệp gạch Gò Công đã lắp đặt được hệ thống mái che cho nhà phơi đất đã được tạo hình, hệ thống mái che này có đặc điểm là có thể tận dụng năng lượng mặt trời để sấy khô những viên đất trước khi đưa vào lò nung làm cho thời gian phơi khô được rút ngắn xuống chỉ còn bằng 1/2 so với trước đây.

### **2.2.3. Điều kiện lao động của công nhân**

Công ty đặc biệt coi trọng tới điều kiện làm việc của người lao động, quy chế công ty quy định công nhân viên trước khi vào xưởng sản xuất phải được trang bị thật kỹ lưỡng đồng phục bảo hộ lao động. Nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo điều lệ của Công ty. Chính vì vậy trong những năm gần đây số trường hợp bị tai nạn trong khi làm việc giảm xuống đáng kể.

### 2.3 Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty CP xây dựng Miền Đông



**Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty**

#### **Giám đốc công ty**

Được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm bằng thủ tục hành chính theo quy định bổ nhiệm của Nhà nước và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc :

- Xây dựng dự án kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn và trung hạn hàng năm thông qua đại hội công nhân viên chức.
- Tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo kế hoạch đã thông qua.
- Được quyền quyết định tổ chức bộ máy quản lý, các bộ phận sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Đề nghị hoặc trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương tuyển dụng theo quy định phân cấp hiện hành của UBND thành phố.

#### **Phó giám đốc công ty**

Là người giúp việc giám đốc trong công tác quản lý và điều hành. Được giám đốc lựa chọn, đề nghị giám đốc Sở Xây dựng bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

---

Phó giám đốc công ty chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty phần việc được phân công phụ trách.

**Các phòng chức năng giúp việc cho giám đốc:**

**\* Phòng tổ chức hành chính:**

- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn phải lập kế hoạch về lao động, thực hiện tuyển dụng lao động có thời hạn từ 1 năm trở lên, lao động ngắn hạn và lao động không kỳ hạn.
- Quản lý lao động và tiền lương, hồ sơ cán bộ công nhân viên, quản lý BHXH, thực hiện các chế độ chính sách như hưu trí, mất sức, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật ...
- Giúp giám đốc bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ, xây dựng bộ máy quản lý sản xuất, cơ chế quản lý, điều hành hoạt động của công ty. Xây dựng cơ cấu và thực hiện nội quy kỷ luật lao động, bảo hộ lao động.
- Thực hiện công tác văn thư bảo mật, trật tự an toàn cơ quan.
- Quản lý tài sản nhà cửa, phương tiện, thiết bị văn phòng.

**\* Phòng kế hoạch kỹ thuật**

Có các nhiệm vụ sau :

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, bao gồm kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, vật tư, lao động, tài chính.
- Ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Quản lý kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh.

**\* Phòng kinh doanh tổng hợp**

Có nhiệm vụ sau :

- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập phương án kinh doanh tính toán hiệu quả các thương vụ trình giám đốc quyết định.
- Tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh các khu vực theo phương án được duyệt.
- Thiết lập quản lý và chỉ đạo hệ thống bán buôn, các đại lý bán lẻ, các đội xây dựng.
- Chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, không để khách hàng lợi dụng

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

---

châu ì thanh toán.

- Giúp giám đốc hướng dẫn thực hiện công tác quản lý tài nguyên và môi trường.
- Tham gia chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác nhận thầu thi công xây lắp công trình.

**\* Phòng cung ứng tiêu thụ**

Có các nhiệm vụ sau :

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, xây dựng kế hoạch tiêu thụ. Tổ chức thực hiện kế hoạch tiêu thụ sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.
- Trực tiếp quản lý chỉ đạo điều hành đội thi công cơ giới, khai thác vận chuyển vật liệu phục vụ cho sản xuất của công ty, đồng thời tổ chức cung ứng vận chuyển điều phối tiêu thụ sản phẩm.
- Quản lý sử dụng tài sản xe, máy, thiết bị được giao, chịu trách nhiệm vật chất với các trang thiết bị đó.
- Thiết lập quản lý và chỉ đạo hệ thống các cửa hàng đại lý và bán lẻ sản phẩm.
- Chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn được giao, thu nộp tiền bán hàng theo quy định của giám đốc, chăm lo thường xuyên công tác bảo vệ lao động, an toàn trong sản xuất và giao thông.

**\* Phòng kế hoạch tài vụ**

Có các nhiệm vụ sau :

- Dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch tài chính đáp ứng đầy đủ, kịp thời tiền vốn.
- Theo dõi mở sổ sách, thiết lập hoá đơn chứng từ, hạch toán đầy đủ quá trình sản xuất kinh doanh, theo dõi vật tư tài sản, tiền vốn theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê.
- Phân tích hoạt động kinh doanh theo định kỳ hàng quý, hàng năm; tìm ra những nguyên nhân dẫn tới lỗ lãi, đề xuất các biện pháp quản lý thích hợp.
- Tham mưu giúp giám đốc trong việc thực hiện các chế độ chính sách tiền tệ, thanh quyết toán và làm đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Phối kết hợp chặt chẽ các phòng chức năng, tổ chức và thu hồi công nợ.

\* Đứng đầu các phòng có trưởng phòng do giám đốc bổ nhiệm (trừ kế toán trưởng

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

---

kiêm trưởng phòng) thì quy định tại mục 3. Các trưởng phòng có trách nhiệm soạn thảo văn bản chi tiết quy định nhiệm vụ cụ thể, quyền hạn và trách nhiệm phù hợp với phân cấp hiện hành trong nội bộ công ty trình giám đốc quyết định.

**\*Các bộ phận sản xuất kinh doanh**

Nhà máy Gốm Gò Công : là nơi thực hiện hoạt động sản xuất, có nhiệm vụ:

- Tổ chức và thực hiện sản xuất các loại gạch đất nung theo kế hoạch.
- Quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản cố định, vốn lưu động được giao, chịu trách nhiệm vật chất và hành chính về tài sản và tiền vốn.
- Căn cứ hợp đồng giao nhận khoán được toàn quyền bố trí sắp xếp các tổ đội trong dây chuyền.
- Căn cứ tổng quỹ tiền lương được hưởng theo kết quả công việc, được quyền phân phối tiền lương trên cơ sở nguyên tắc trả lương theo lao động và kết quả công việc hoàn thành đảm bảo công bằng, hợp lý. Trích nộp BHXH của người lao động theo quy định hiện hành.
- Chăm lo và thực hiện công tác phòng bảo hộ lao động, an toàn trong sản xuất, vệ sinh công nghiệp.
- Duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ, sửa chữa thay thế thiết bị đảm bảo cho nhà máy hoạt động thường xuyên liên tục.

**2.4 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

Qua các kỳ hội chợ triển lãm hàng công nghiệp thì sản phẩm của công ty CP xây dựng Miền Đông luôn đạt được những đòi hỏi của các bộ tiêu chuẩn ISO mới nhất. Nguyên nhân chính là do nguyên vật liệu mà doanh nghiệp sử dụng chủ yếu là loại đất có hàm lượng sét cao hơn nên sản phẩm có thể chịu được nhiệt độ cao mà không bị nứt nẻ, khi có nước mưa không những không bị ngấm mà còn làm cho màu gạch trở nên tươi hơn. So với các loại gạch khác trên thị trường hiện nay thì gạch của công ty có chất lượng trội hơn về các đặc tính đó nhưng mẫu mã của sản phẩm do công ty sản xuất chưa độc đáo, chưa gây được sự chú ý đáng kể từ phía khách hàng. Do vậy lượng sản phẩm tiêu thụ của doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh còn thấp hơn. Nếu trong thời gian tới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp tiếp tục cải tiến mẫu mã thì chắc chắn sản phẩm của

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

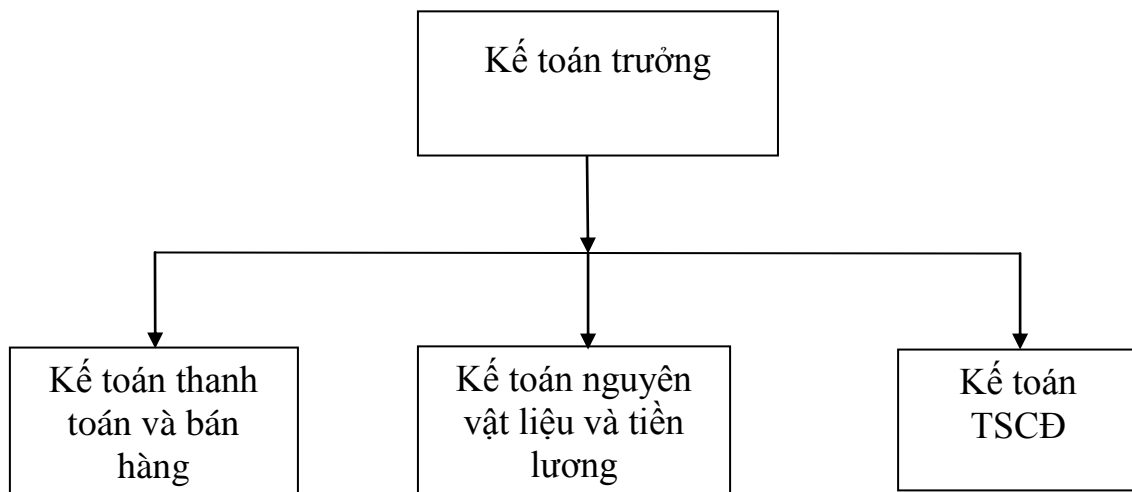
---

doanh nghiệp sẽ là loại sản phẩm được khách hàng ưa dùng. Nhiều người cho rằng, đối với loại sản phẩm là vật liệu xây dựng thì mẫu mã hình thức không phải là yếu tố quan trọng tạo nâng giá trị hàng hoá. Nhận định đó đã lạc hậu. Trong nền kinh tế mở hiện nay, mẫu mã sản phẩm cần được coi là một trong những yếu tố tác động rất lớn tới giá trị sản phẩm.

Công ty có mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả nước. Với khoảng vài chục cửa hàng, đại lý ở Miền Bắc và các chi nhánh ở Miền Nam lẫn Miền Trung đã đem hàng hoá của công ty đến từng khu phố, từng ngõ ngách, phục vụ tận nơi khi khách hàng có nhu cầu. Nhờ mạng lưới kinh doanh dày đặc như vậy đã làm cho khách hàng biết đến sản phẩm của công ty trong ngành vật liệu xây dựng.

## **2.5 Tổ chức công tác kế toán của Công ty CP xây dựng Miền Đông**

### **2.5.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán**



**Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty CP xây dựng Miền Đông**

Công ty CP xây dựng Miền Đông là một doanh nghiệp vừa nên đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung hay còn gọi là tổ chức kế toán một cấp. Có thể hiểu là tại đơn vị kế toán độc lập chỉ mở một bộ sở kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở mọi phần hành kế toán.

Phòng kế toán có chức năng phản ánh và giám đốc một cách liên tục và toàn diện các mặt hoạt động kinh tế tài chính ở doanh nghiệp. Những thông tin mà kế



***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

toán cung cấp được sử dụng để ra các quyết định quản lý. Tại công ty, chức năng chính của phòng kế toán là ghi chép, phản ánh vào sổ sách mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh giúp tính toán chi phí, lợi nhuận cho doanh nghiệp. Không đơn thuần là ghi chép, và trình bày lại số liệu, dựa vào số liệu đó kế toán có thể tiến hành phân tích sơ bộ giúp thực hiện quản trị nội bộ. Có thể nói phòng kế toán là trợ lý đắc lực cho lãnh đạo của công ty trong việc đưa ra các quyết định. Tại Công ty, các nhân viên kế toán có trình độ đại học, trung cấp đáp ứng được yêu cầu công việc.

Để đảm bảo thực hiện chức năng của mình, phòng kế toán được tổ chức với 4 người. Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm điều hành bộ máy kế toán tại công ty, các kế toán viên còn lại chịu trách nhiệm về một số phần hành được giao.

Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức một cách nhịp nhàng, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cũng như sự phối hợp đảm bảo hiệu quả hoạt động. Kế toán thanh toán và bán hàng, kế toán tiền lương và nguyên vật liệu đều phải báo cáo kết quả hoạt động của mình cho kế toán trưởng. Kế toán trưởng sẽ kiểm tra và đánh giá lại đảm bảo tính hợp lý và trung thực của thông tin cung cấp. Kế toán nguyên vật liệu nếu muốn mua nguyên vật liệu, kế toán tiền lương muốn chi trả lương phải có sự đồng ý, xét duyệt của kế toán trưởng và được chi theo phiếu chi của kế toán thanh toán. Kế toán TSCĐ chuyên theo dõi tình hình biến động tăng giảm và thực trạng của TSCĐ.

### **2.5.2 Chính sách kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty CP xây dựng Miền Đông theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 thay thế cho Quyết định 1141TC/QĐ/CĐKT ra ngày 1/11/1995 bắt đầu từ 1/7/2006. Theo đó, kế toán tại công ty tuân thủ các quy định chung như sau:

Niên độ kế toán là từ ngày 1/1/N đến ngày 31/12/N.

Để thuận tiện cho việc theo dõi và báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà Nước cũng như quản trị trong doanh nghiệp, kế toán trong doanh nghiệp lập báo cáo theo năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

Hình thức kế toán: Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Phương pháp tính và nộp thuế GTGT là phương pháp khấu trừ.

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Phương pháp tính giá hàng tồn kho là phương pháp Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp Kế khai thường xuyên.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng.

Cuối năm công ty tiến hành kiểm kê 1 lần trước khi lập báo cáo năm.

### **2.5.3 Đặc điểm tổ chức hình thức sổ kế toán**

#### **2.5.3.1 Tổ chức hệ thống chứng từ**

Áp dụng thống nhất Quyết định 15/QĐ-BTC ra ngày 20/3/2006, công ty CP xây dựng Miền Đông sử dụng các loại chứng từ sau:

+ Chứng từ về tiền tệ gồm: Phiếu thu, Phiếu chi, Phiếu thanh toán trợ cấp bảo hiểm xã hội, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ), giấy đề nghị thanh toán, biên lai thu tiền, biên lai chi tiền,....

+ Chứng từ về hàng tồn kho gồm: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá cuối kỳ,...

+ Chứng từ về lao động tiền lương gồm: Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán tiền thưởng, Hợp đồng lao động, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, bảng kê trích nộp các khoản theo lương,...

+ Chứng từ về mua bán hàng hoá gồm: Hợp đồng mua bán hàng, Hoá đơn giá trị gia tăng,....

+ Chứng từ về tài sản cố định gồm: Biên bản giao nhận tài sản cố định, Biên bản thanh lý tài sản cố định, Biên bản kiểm kê tài sản cố định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,...

Bên cạnh những chứng từ theo mẫu của Bộ Tài Chính quy định, để phục vụ công tác quản trị nội bộ công ty còn sử dụng một số chứng từ khác phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất như: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

### **2.5.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán**

Hệ thống tài khoản công ty cổ phần xây dựng Miền Đông đang áp dụng tuân thủ Quyết định 15/QĐ-BTC ra ngày 20/3/2006. Tuy nhiên do quy mô sản xuất vừa nên trong quá trình áp dụng công ty chỉ áp dụng một số các tài khoản cho phù hợp với yêu cầu quản lý, đồng thời công ty cũng xây dựng các tài khoản cấp 2, 3 khác bổ sung để tiện theo dõi.

### **2.5.3.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán.**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết nên đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tập hợp vào bảng tổng hợp chi tiết, để cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

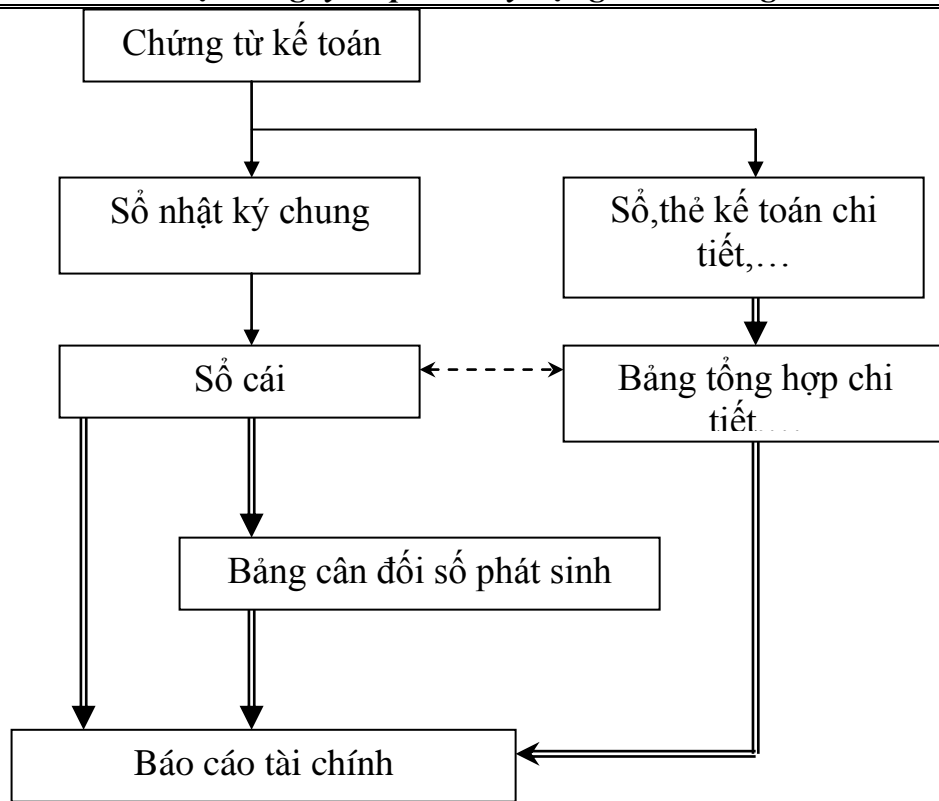
Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ:

- Sổ kế toán tổng hợp: Nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết:
  - + Sổ chi tiết nguyên vật liệu. Sổ này được chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu.
  - + Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán: được mở chi tiết theo từng đối tượng khách hàng, nhà cung cấp.
  - + Sổ chi tiết các loại chi phí sản xuất như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Các sổ này được mở chi tiết theo phân xưởng.

Ngoài ra, công ty còn sử dụng một số loại sổ chi tiết khác như: Sổ chi tiết tiền mặt, Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng...

- + Các loại bảng biểu: Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ công cụ dụng cụ, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội....

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**



**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ tại Công ty CP xây dựng Miền Đông**

- Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày  
==> Ghi cuối tháng, cuối năm  
←----> Đối chiếu, kiểm tra.

\* **Ưu điểm:** Kết hợp ưu điểm của hai hình thức nhật ký sổ cái và chứng từ ghi sổ. Với hình thức này, mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận lợi cho việc áp dụng máy vi tính để hiện đại hoá công tác kế toán.

\* **Nhược điểm:** Việc kiểm tra, đối chiếu phải dồn đến cuối kỳ nên thông tin kế toán có thể cung cấp được kịp thời.

#### **2.5.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống Báo cáo tài chính**

Tại Công ty CP xây dựng Miền Đông, hệ thống báo cáo kế toán được lập theo năm. Bộ phận kế toán sẽ tiến hành lập Báo cáo tài chính sau đó xin xét duyệt của cấp trên.

Hệ thống Báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán ;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Doanh nghiệp lập Báo cáo tài chính theo năm dương lịch.

Các loại báo cáo được lập vào cuối năm, được gửi cho các cơ quan Nhà nước có liên quan chậm nhất là 30 ngày với báo cáo năm. Báo cáo tài chính được lập và cung cấp cho chi cục thuế thành phố Hải Phòng

Ngoài các báo cáo theo quy định để phục vụ hoạt động đơn vị kế toán còn lập các báo cáo khác như: Báo cáo hàng tồn kho, Báo cáo doanh thu bán hàng, Báo cáo công nợ.

## **2.6 Những thuận lợi, khó khăn của Công ty**

### **2.6.1 Thuận lợi**

- Với bề dày gần 20 năm sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, Công ty có một đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm, am hiểu thị trường và đặc điểm ngành hàng kinh doanh. Trong tập thể cán bộ công nhân viên của công ty thì có tới hơn 10% có trình độ đại học và sau đại học. Đây là một ưu điểm, một thế mạnh giúp công ty kinh doanh có hiệu quả và tạo được uy tín trên thị trường.

- Công ty có mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả nước. Với khoảng vài chục cửa hàng, đại lý ở Miền Bắc và các chi nhánh ở Miền Nam lẫn Miền Trung đã đem hàng hoá của công ty đến từng khu phố, từng ngõ ngách, phục vụ tận nơi khi khách hàng có nhu cầu. Nhờ mạng lưới kinh doanh dày đặc như vậy đã làm cho khách hàng biết đến sản phẩm của công ty trong ngành vật liệu xây dựng.

- Công ty có hệ thống văn phòng, kho tàng, nhà xưởng lớn không những đáp ứng nhu cầu của công ty mà còn cho thuê để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đây cũng là một lợi thế của công ty. Trong khi các công ty khác phải đi thuê văn phòng làm việc thì công ty lại có nhà cho thuê và có văn phòng làm việc lớn ở trung tâm thành phố.

- Với gần 20 năm kinh doanh có hiệu quả và uy tín, công ty đã tạo được một hệ thống khách hàng ổn định và tạo ra một hệ thống bán hàng tiêu thụ ổn định. Trong kinh doanh điều này rất quan trọng, vì trong cơ chế thị trường hiện nay các công ty tư nhân mọc lên như nấm đã làm cho hoạt động kinh doanh trở nên khó khăn hơn. Mặc dù vậy công ty vẫn tạo được một hệ thống khách hàng ổn định. Điều này

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

chứng tỏ sản phẩm của công ty đã tạo được uy tín cao trên thị trường. Với các bạn hàng ở trong và ngoài nước, công ty từ chỗ là khách hàng đã dần trở thành đại lý bán hàng, nhiều công ty chỉ tiêu thụ độc quyền hàng của công ty.

Có được những thành tích trên là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

### **2.6.2 Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi trên, công ty cũng gặp phải không ít khó khăn.

- Khó khăn đầu tiên cũng là khó khăn nhất mà công ty gặp phải là tình trạng thiếu vốn. Vốn chủ sở hữu của công ty quá nhỏ so với nhu cầu vốn và thường chỉ đáp ứng được 61% phần còn lại là đi vay. Vay vốn là con dao 2 lưỡi. Nếu sử dụng vốn hiệu quả, một đồng vốn vay sẽ làm khuyếch đại gấp nhiều lần đồng vốn chủ sở hữu. Nếu kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ thì việc trả lãi vay vốn ngân hàng sẽ trở thành gánh nặng lớn đối với công ty. Đồng thời sử dụng vốn vay với lãi suất cao sẽ làm tăng chi phí, tăng giá thành sản phẩm từ đó làm cho lợi nhuận của công ty giảm.

- So với một doanh nghiệp sản xuất số lao động của công ty đông, trong đó có một số lao động do cơ chế cũ để lại làm cho năng suất lao động giảm, hiệu quả kinh doanh không cao.

- Công ty có 2 đơn vị sản xuất trực thuộc nhưng do thành lập trái ngành nên không được đầu tư máy móc thiết bị mà toàn bộ máy móc thiết bị do công ty đầu tư bằng vốn vay. Đồng thời khi vay vốn không được ưu đãi về lãi suất nên hiệu quả sản xuất kinh doanh bị hạn chế dẫn đến hiệu quả kinh doanh của công ty giảm xuống.

- Hoạt động marketing còn yếu và chưa có hiệu quả rõ rệt, đặc biệt công tác tổ chức nghiên cứu thị trường một cách hệ thống, hoạt động thị trường tuy có chủ động nhưng vẫn dựa trên kinh nghiệm và sự chỉ đạo của các cơ quan chủ quản, chưa có đội ngũ nhân viên Marketing đã gây nhiều khó khăn cho công việc nghiên cứu và xử lý thông tin về thị trường.

- Hầu hết các sản phẩm của công ty không đòi hỏi kỹ thuật cao, lượng vốn đầu tư không lớn. Mặt khác cũng dễ kinh doanh. Do vậy, nhiều doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân đầu tư kinh doanh khi có lãi các sản phẩm sản xuất kinh doanh của công ty bị cạnh tranh gay gắt trên thị trường làm cho thị phần của

công ty bị giảm xuống.

## **2.7 Thực trạng lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông**

### **2.7.1 Thực trạng lập Báo cáo kết quả kinh doanh**

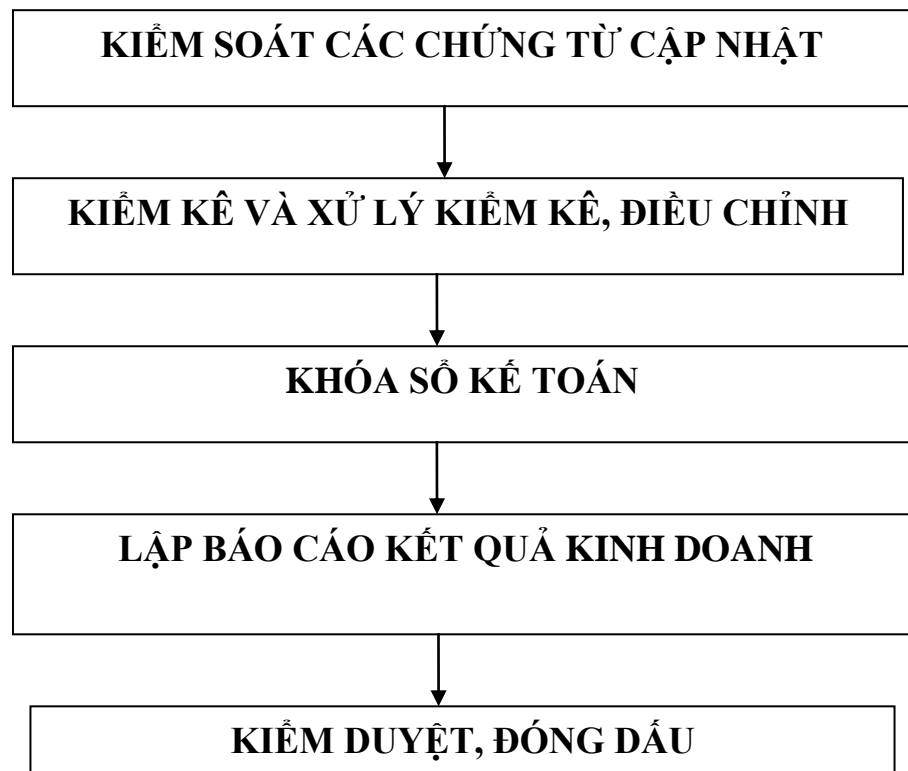
#### **2.7.1.1 Trình tự lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty**

Công ty lập các loại báo cáo tài chính sau:

- |                                     |                  |
|-------------------------------------|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán              | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả kinh doanh        | Mẫu số B 02 - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ        | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 - DN |

Kỳ lập Báo cáo tài chính là năm tài chính.

Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty được lập tuân theo Chuẩn mực số 21-“Trình bày báo cáo tài chính” (ban hành và công bố theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng BTC).



**Sơ đồ 2.4: Trình tự lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty**

***Kiểm soát chứng từ cập nhật***

Cơ sở số liệu để lập báo cáo kết quả kinh doanh kỳ này là báo cáo kết quả kinh doanh được lập tại kỳ trước và hệ thống sổ kế toán (Sổ tổng hợp và sổ chi tiết các tài khoản) của kỳ kế toán cần lập báo cáo.

Một trong những yêu cầu được xem là quan trọng nhất của thông tin phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh là tính chính xác, trung thực và khách quan. Để đáp ứng nhu cầu đó thì cơ sở số liệu để lập Báo cáo kết quả kinh doanh cũng phải chính xác trung thực và khách quan. Vì thế trước khi sử dụng thông tin trên hệ thống sổ sách kế toán để lập Báo cáo kết quả kinh doanh, công ty đã thực hiện các nghiệp vụ biện pháp cụ thể để kiểm soát thông tin trên sổ kế toán, việc này thường được tiến hành vào cuối năm và bằng cách kiểm soát các nghiệp vụ ghi sổ kế toán có bằng chứng hay không, nghĩa là các nghiệp vụ được phản ánh trong hệ thống sổ kế toán tổng hợp và hệ thống sổ kế toán chi tiết có chứng từ hay không. Trình tự kiểm soát được tiến hành như sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trật tự thời gian phát sinh.
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong nhật ký chung.
- Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong nhật ký chung
- Đối chiếu số liệu giữa nhật ký chung và sổ cái các tài khoản.
- Đối chiếu giữa sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết.

***Kiểm kê, xử lý kiểm kê, điều chỉnh***

Để thông tin kế toán phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, một công tác không thể thiếu được trong tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức lập báo cáo tài chính nói riêng là kiểm kê tài sản và lập biên bản xử lý kiểm kê.

Tại công ty việc kiểm kê được thực hiện vào cuối năm. Ngoài ra, Công ty còn duy trì chế độ kiểm kê bất thường nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tình hình tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết thúc quá trình kiểm kê, ban kiểm tra lập biên bản kiểm kê gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào biên bản kiểm kê, kế toán xử lý kiểm kê



***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán vào kỳ báo cáo sau thì chấp nhận kết quả khoá sổ tạm thời và bảng cân đối phát sinh tạm thời .

- Trường hợp có thừa thiếu tài sản nhưng biên bản xử lý kiểm kê ghi rõ hạch toán thừa, thiếu tài sản vào kỳ báo cáo, kế toán thực hiện bút toán điều chỉnh lại bút toán.

***Khoá sổ kế toán chính thức***

Trong trường hợp khi kiểm kê có thừa, thiếu tài sản và được xử lý kiểm kê ngay tại kỳ báo cáo hiện tại thì sau khi điều chỉnh các bút toán cần thiết, kế toán tiến hành khoá sổ chính thức.

***Lập Báo cáo kết quả kinh doanh***

Việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty được căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán và được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán.

***Kiểm duyệt, đóng dấu***

Sau khi lập xong Báo cáo kết quả kinh doanh người lập, kế toán trưởng và Giám đốc ( hoặc người đại diện theo pháp luật của đơn vị ) ký, đóng dấu của đơn vị

Cuối kỳ kế toán (cuối năm) trước khi lập Báo cáo tài chính, đơn vị khóa sổ kế toán. Riêng sổ quỹ tiền mặt khóa sổ vào cuối mỗi tháng. Ngoài ra còn khóa sổ kế toán trong các trường hợp kiểm kê đột xuất hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Khóa sổ kế toán là việc tính ra tổng số phát sinh bên Nợ, Có và số dư cuối kỳ của từng tài khoản hoặc tổng số thu, chi, tồn quỹ, nhập, xuất, tồn kho.

***2.7.1.2 Căn cứ lập Báo cáo kết quả kinh doanh***

Căn cứ vào cộng lũy kế số phát sinh cuối năm trên sổ Cái các Tài khoản 511 (**Biểu số 6**), 515 (**Biểu số 7**), 632 (**Biểu số 8**), 635 (**Biểu số 9**), 641 (**Biểu số 10**), 642 (**Biểu số 11**), 711 (**Biểu số 12**), 811 (**Biểu số 13**), 821 (**Biểu số 14**), 911 (**Biểu số 15**), 421 (**Biểu số 16**), Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008 (**Biểu số 17**) cuối năm phòng kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh (**Biểu số 18**) của công ty.

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 6:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông  
Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI  
NĂM 2009**

**TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**ĐVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	HĐ009923	5/1	Xuất hàng-cty TNHH CN Oriental	1311		353,079,900
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		2,715,800,000	2,715,800,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		2,715,800,000	2,715,800,000
			Tháng 2			
10/2	HĐ009926	10/2	Xuất hàng-cty xây dựng 201	1311		531,980,000
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		2,801,560,000	2,801,560,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		5,517,360,000	5,517,360,000
			Tháng 12			
24/12	HĐ0099312	24/12	Xuất hàng-Cty Xây dựng 203	1311		1,331,083,986
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		4,010,000,000	4,010,000,000
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		33,312,184,144	33,312,184,144

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 7:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông  
Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI  
NĂM 2009**

**TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**

**DVT: VND**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	NH 18	5/1	Nhập lãi TG_NH ngoại thương	112		23,079,900
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		46,900,000	46,900,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		46,900,000	46,900,000
			Tháng 2			
10/2	NH 22	10/2	Nhập lãi TG_INDOVINABANK	112		11,980,000
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		51,704,000	51,704,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		98,604,000	98,604,000
			Tháng 12			
24/12	NH 252	24/12	Nhập lãi TG_NH công thương	112		31,083,986
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		64,316,999	64,316,999
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		771,803,991	771,803,991

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 8:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông  
Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI  
NĂM 2009  
TK 632: Giá vốn hàng bán**

**ĐVT: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	PX 1221	5/1	Xuất hàng-cty TNHH CN Oriental	1551	317,800,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		1,722,510,000	1,722,510,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		1,722,510,000	1,722,510,000
			Tháng 2			
10/2	PX 1224	10/2	Xuất hàng-cty xây dựng 201	1551	461,660,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		980,211,000	980,211,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		2,702,721,000	2,702,721,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12	PX 14688	24/12	Xuất hàng-Cty Xây dựng 203	1551	802,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		1,171,524,182	1,171,524,182
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		14,058,290,186	14,058,290,186

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 9:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông  
Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b- DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI  
NĂM 2009  
TK 635: Chi phí tài chính**

**DVT: VND**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	VP 31	5/1	Thanh toán lãi_NH nông nghiệp	111	160,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		260,663	260,663
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		260,663	260,663
			Tháng 2			
10/2	VP 34	10/2	Thanh toán lãi_NH nông nghiệp	111	160,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		260,663	260,663
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		521,326	521,326
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12	VP 408	24/12	Thanh toán lãi_NH nông nghiệp	111	160,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		260,663	260,663
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		3,127,954	3,127,954

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 10:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI  
NĂM 2009**

**TK 641: Chi phí bán hàng**

**DVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	PC 218	5/1	Thanh toán tiền thuê cửa hàng số 1	111	31,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		602,900,000	602,900,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		602,900,000	602,900,000
			Tháng 2			
10/2	PC 221	10/2	Thanh toán tiền thuê cửa hàng số 1	111	31,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		704,215,000	704,215,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		1,307,115,000	1,307,115,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12	PC 2640	24/12	Thanh toán tiền thuê cửa hàng số 1	111	31,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		801,466,122	801,466,122
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		9,617,593,464	9,617,593,464

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 11:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**NĂM 2009**

**TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**DVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	PC 219	5/1	Mua thiết bị văn phòng	111	18,350,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		91,000,000	91,000,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		91,000,000	91,000,000
			Tháng 2			
10/2	PC 222	10/2	Chi tiền tiếp khách	111	6,200,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		116,000,000	116,000,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		207,000,000	207,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12	PB 113	24/12	Tính lương bộ phận QLDN	334	71,119,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		176,626,388	176,626,388
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		2,119,516,655	2,119,516,655

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 12:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**NĂM 2009**

**TK 711: Thu nhập khác**

**ĐVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	BB 15	5/1	Thanh lý đồ dùng VP	111		21,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		120,000	120,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		120,000	120,000
			Tháng 2			
10/2	BB 18	10/2	Thanh lý đồ dùng VP	111		100,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		169,000	169,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		289,000	289,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12	BB 216	24/12	Thanh lý máy in	111		1,119,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		1,321,742	1,321,742
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		15,860,905	15,860,905

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 13:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**NĂM 2009**

**TK 811: Chi phí khác**

**ĐVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1	BB 14	5/1	Đánh giá lại giá trị máy in VP	211	610,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		2,400,000	2,400,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		2,400,000	2,400,000
			Tháng 2			
10/2	PC 220	10/2	Chi thuê ô tô ngoài	111	780,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		3,100,000	3,100,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		5,500,000	5,500,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12	BB 216	24/12	Thanh lý máy in	221	1,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		2,826,083	2,826,083
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		33,913,000	33,913,000

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 14:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**NĂM 2009**

**TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**DVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
5/1		5/1	Xác định số thuế TNDOANH NGHIỆP phải nộp	3334	100,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		152,000,000	152,000,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		152,000,000	152,000,000
			Tháng 2			
10/2		10/2	Xác định số thuế TNDOANH NGHIỆP phải nộp	3334	100,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		170,000,000	170,000,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		322,000,000	322,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
24/12		24/12	Xác định số thuế TNDOANH NGHIỆP phải nộp	3334	100,000,000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		172,237,662	172,237,662
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		2,066,851,945	2,066,851,945

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 15:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**NĂM 2009**

**TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

**DVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1			
31/1	PKT 01	31/1	K/c DT xác định kqkd	511		2,715,800,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1		2,762,820,000	2,762,820,000
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1		2,762,820,000	2,762,820,000
			Tháng 2			
28/2	PKT 11	28/2	K/c DT xác định kqkd	511		2,801,560,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2		2,900,453,000	2,900,453,000
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2		5,663,273,000	5,663,273,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
31/12	PKT 121	31/12	K/c DT xác định kqkd	511		4,010,000,000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12		4,075,638,741	4,075,638,741
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm		68,199,698,080	68,199,698,080

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 16:**

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: 275 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**NĂM 2009**

**TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối**

**DVT: VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			3,000,000,000
			Số phát sinh trong năm			
			Tháng 1			
31/1	PKT 10	31/1	K/c lãi từ hoạt động kqkd	911		243,749,337
31/1		31/1	Cộng phát sinh T1			243,749,337
31/1		31/1	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 1			243,749,337
			Tháng 2			
28/2	PKT 20	28/2	K/c lãi từ hoạt động kqkd	911		1,021,576,337
28/2		28/2	Cộng phát sinh T2			1,021,576,337
28/2		28/2	Cộng lũy kế số phát sinh tháng 2			1,265,325,674
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Tháng 12			
31/12	PKT 120	31/12	K/c lãi từ hoạt động kqkd	911		2,851,812,641
31/12		31/12	Cộng phát sinh T12			2,851,812,641
31/12		31/12	Cộng lũy kế số phát sinh cả năm			6,200,555,836
			Số dư cuối năm			9,200,555,836

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 17:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG MIỀN  
ĐÔNG**  
Số 275 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng.

**Mẫu số B 02 - DOANH NGHIỆP**  
( Ban hành theo QĐsố 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC )

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Năm 2008**

**ĐVT: VND**

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	29,317,222,931	31,670,950,000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29,317,222,931	31,670,950,000
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	11,629,594,137	14,825,114,000
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17,687,628,794	16,845,836,000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	524,118,778	412,721,600
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	1,616,200	2,630,000
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,616,200	2,630,000
8	Chi phí bán hàng	24		7,988,035,788	6,928,781,000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,218,431,142	3,640,500,000
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,003,664,442	6,686,646,600
11	Thu nhập khác	31		52,850,000	61,700,000
12	Chi phí khác	32		1,180,000	4,000,000
13	Lợi nhuận khác	40		51,670,000	57,700,000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,055,334,442	6,744,346,600
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	2,013,833,611	1,686,086,650
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,041,500,831	5,058,259,950

**Lập, ngày 5 tháng 1 năm 2008**

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.7.1.3 Lập Báo cáo kết quả kinh doanh**

Căn cứ vào sổ Cái các Tài khoản 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 911, 421,... và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008, phòng kế toán thực hiện các thao tác lập Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty năm 2009:

#### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)**

Căn cứ vào sổ Cái TK 511 năm 2009, lũy kế phát sinh bên Có của TK trong năm là 33.312.184.144 đồng. Vậy trong Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cột số liệu năm nay là

Mã số 01 = 33.312.184.144 đồng

#### **2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)**

Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ làm giảm trừ doanh thu do vậy

Mã số 02 = 0

#### **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)**

Mã số 10 = Mã số 01 – Mã số 02 = 33.312.184.144 – 0 = 33.312.184.144 đồng

#### **4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)**

Căn cứ vào sổ Cái TK 632 năm 2009, lũy kế phát sinh bên Có của TK là 14.058.290 đồng

Mã số 11 = 14.058.290 đồng

#### **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)**

Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11 = 33.312.184.144 – 14.058.290

Mã số 20 = 19.253.893.958 đồng

#### **6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

Căn cứ vào sổ Cái TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính với lũy kế phát sinh bên Nợ TK 515 là 771.803.991 đồng.

Mã số 21 = 771.803.991 đồng

#### **7. Chi phí tài chính (Mã số 22)**

Căn cứ vào lũy kế phát sinh bên Có TK 635 – Chi phí tài chính năm 2009 là 3.127.954 đồng.

Mã số 22 = 3.127.954 đồng

**8. Chi phí lãi vay (Mã số 23)**

Căn cứ vào sổ chi tiết TK 635 – Lãi vay năm 2009, lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 là 3.127.954 đồng.

Mã số 23 = 3.127.954 đồng

**9. Chi phí bán hàng (Mã số 24)**

Căn cứ vào lũy kế phát sinh bên Có TK 641 năm 2009 của công ty là 9.617.593.464 đồng.

Mã số 24 = 9.617.593.464 đồng

**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)**

Căn cứ vào lũy kế phát sinh bên Có TK 642 trong năm 2009 của công ty là 2.119.516.655 đồng.

Mã số 25 = 2.119.516.655 đồng

**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)**

Mã số 30 = Mã số 20 + (Mã số 21 - Mã số 22) - (Mã số 24 + Mã số 25)

Mã số 30 = 19.253.893.958 + ( 771.803.991 – 3.127.954 ) - ( 9.617.593.464 + 2.119.516.655)

Mã số 30 = 8.285.459.876 đồng

**12. Thu nhập khác (Mã số 31)**

Căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ TK 711 năm 2009 là 15.860.905 đồng.

Mã số 31 = 15.860.905 đồng

**13. Chi phí khác (Mã số 32)**

Căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có năm 2009 của TK 811 là 33.913.000 đồng.

Do vậy tổng chi phí khác phát sinh trong năm của công ty là 33.913.000 đồng

Mã số 32 = 33.913.000 đồng

**14. Lợi nhuận khác (Mã số 40)**

Mã số 40 = Mã số 31 - Mã số 32 = 15.860.905 - 33.913.000 = -18.052.095 đồng

**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)**

Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40 = 8.285.459.876 - 18.052.095 = 8.267.407.781 đồng

**16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)**

Căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2009 là 2.066.851.945 đồng.

Mã số 51 = 2.066.851.945 đồng

**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)**

Căn cứ vào các số liệu của các chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành để tính ra lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty..

Mã số 60 = Mã số 50 - Mã số 51 = 8.267.407.781 - 2.066.851.945

Mã số 60 = 6.200.555.836 đồng



**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 18:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG MIỀN ĐÔNG**

Số 275 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng.

**Mẫu số B 02 - DOANH NGHIỆP**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC )

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Năm 2009**

**ĐVT: VND**

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	33,312,184,144	29,317,222,931
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33,312,184,144	29,317,222,931
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	14,058,290,186	11,629,594,137
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19,253,893,958	17,687,628,794
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	771,803,991	524,118,778
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	3,127,954	1,616,200
8	Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,127,954	1,616,200
9	Chi phí bán hàng	24		9,617,593,464	7,988,035,788
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,119,516,655	2,218,431,142
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,285,459,876	8,003,664,442
12	Thu nhập khác	31		15,860,905	52,850,000
13	Chi phí khác	32		33,913,000	1,180,000
14	Lợi nhuận khác	40		-18,052,095	51,670,000
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,267,407,781	8,055,334,442
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	2,066,851,945	2,013,833,611
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,200,555,836	6,041,500,831

**Lập, ngày 5 tháng 1 năm 2010**

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**2.7.2 Thực trạng phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty**

Qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008, 2009, sổ Cái các Tài khoản liên quan và các sổ tổng hợp liên quan phòng kế toán công ty thực hiện phân tích một số chỉ tiêu tài chính đặc trưng để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm tài chính.

**Biểu số 19:**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Ý nghĩa
1. Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần	39.67%	42.2%	$LN_{2008} = 100 - 39.67 = 60.33 \text{ đ}$ Cứ 100đ DTT phải bỏ ra 39.67đ trị GVHB, lợi nhuận thu được còn là 60.33đ $LN_{2009} = 100 - 42.2 = 57.8 \text{ đ}$ Năm 2009, công ty đã bán được nhiều hàng hơn so với năm 2008 nhưng đồng thời với việc tăng doanh thu thì GVHB cũng tăng lên. Lợi nhuận năm 2009 thu được là 57.8đ giảm đi so với năm 2008 là $\Delta LN = LN_{2009} - LN_{2008} = 2.53 \text{ đ}$ Tỷ suất này năm 2009 lớn hơn năm 2008 chứng tỏ việc quản lý các khoản chi phí trong GVHB chưa tốt.
2. Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần	27.25%	28.87%	Năm 2009 công ty đã tăng chi phí cho việc quảng cáo sản phẩm nên lợi nhuận của công ty giảm đi đáng kể so với năm 2008 là $LN_{2008} = 60.33 - 27.25 = 33.08 \text{ đ}$ $LN_{2009} = 57.8 - 28.87 = 28.93 \text{ đ}$ $\Delta LN = LN_{2009} - LN_{2008} = 4.15 \text{ đ}$
3. Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần	7.57%	6.36%	Năm 2009 công ty đã giảm được chi phí QLDN nên trong 100đ DTT chỉ mất 6,36đ chi phí QLDN không như năm 2008, con số phải chi ra là 7,57đ. Điều này chứng tỏ trong năm 2009 công ty đã quản lý hiệu quả các khoản chi phí quản trị doanh nghiệp càng cao.

Tóm lại, năm 2008 tổng chi phí bỏ ra để thu được 100đ DTT là 74.49đ, lợi nhuận đạt được là  $100 - 74.49 = 25.51 \text{ đ}$ . Năm 2009, tổng chi phí bỏ ra để thu được 100đ DTT tăng lên 77.43đ, lợi nhuận đạt được là  $100 - 77.43 = 22.57 \text{ đ}$  thấp hơn so với năm 2008. Phòng kế toán đã yêu cầu sang năm 2010 nên tiết kiệm chi phí đầu vào, tăng năng suất lao động và thay đổi mẫu mã sản phẩm.

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG MIỀN ĐÔNG**

### **3.1 Nhận xét đánh giá về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh**

#### **3.1.1 Những ưu điểm về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông**

Bộ máy kế toán của Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của kế toán trưởng. Mỗi kế toán viên được phân công phụ trách các phần hành công việc khác nhau phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn của mỗi người và yêu cầu quản lý của Công ty để đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hóa tính chính xác cao.

Việc tổ chức hạch toán kế toán đã đáp ứng được yêu cầu của Công ty đề ra như đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu, kinh tế đảm bảo số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng. Hiện nay công ty đang trang bị thêm phương tiện hỗ trợ như trang bị máy vi tính riêng cho cán bộ nhân viên phòng kế toán tài vụ để nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên kế toán, tiếp cận nhanh với các nguồn thông tin giúp cho công tác kế toán của công ty đã giảm bớt tính phức tạp cũng như khối lượng công việc kế toán.

Công ty áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là hoàn toàn thích hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty. Mặt khác kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giúp cho công việc quản lý dễ dàng và chính xác hơn.

Phòng kế toán của Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đây là hình thức hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, thuận lợi cho việc sử dụng của Công ty bởi có nhiều ưu điểm: ghi chép rõ ràng, đơn giản tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập các Báo cáo tài chính. Do đó hình thức này phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Các bảng tổng hợp, sổ Nhật ký chung và các bảng phân bổ được công ty áp dụng và ghi chép đầy đủ, cẩn thận và rõ ràng.

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Nhìn chung việc sử dụng các tài khoản kế toán tại công ty được nhân viên kế toán về cơ bản áp dụng theo đúng chế độ quy định. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ kế toán vào việc xác định các chỉ tiêu trên hệ thống Báo cáo tài chính. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009 được lập theo đúng QĐ số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006. Các nghiệp vụ kế toán đều được cập nhật vào sổ sách ngay tại thời điểm phát sinh, chính xác theo số liệu và nội dung của nghiệp vụ.

Công ty đã thực hiện tốt công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh như:

- + Phân công nhiệm vụ cho người chịu trách nhiệm
- + Chuẩn bị nguồn số liệu, tài liệu để lập và tiến hành kiểm tra các tài liệu đó
- + Chuẩn bị các biểu mẫu, phương tiện tính toán cho việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh
- + Khóa sổ và kết chuyển cuối kỳ kế toán.

Việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty luôn chấp hành theo các quy định hiện hành và quyết định mới nhất của Bộ tài chính. Quá trình lập Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty được thực hiện rõ ràng, mạch lạc tuân thủ khâu kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán giữa các phân hành kế toán có liên quan. Đặc biệt là bước chuẩn bị lập Báo cáo kết quả kinh doanh với sự kiểm soát chặt chẽ các chứng từ kế toán. Công ty đã tiến hành khâu kiểm tra trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh. Do đó các thông tin trên các Báo cáo tài chính là chính xác và đáng tin cậy.

Nhận thức vai trò quan trọng của phân tích Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng. Lãnh đạo công ty, phòng kế toán bước đầu đã tiến hành phân tích tình hình tài chính của công ty. Công tác phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty được tiến hành đều đặn hàng năm thường vào cuối năm và doanh nghiệp đã tiến hành phân tích những chỉ tiêu:

- + Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần
- + Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần
- + Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần

### **3.1.2 Những nhược điểm trong công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh**

Qua nghiên cứu tình hình thực tế công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty, đi sâu tìm hiểu các phần hành kế toán em nhận thấy về cơ bản công tác kế toán đã đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty cũng như đáp ứng được yêu cầu quản lý. Song bên cạnh đó trong quá trình hạch toán còn tồn tại một số vướng mắc sau:

- + Định kỳ cuối năm công ty mới lập Báo cáo kết quả kinh doanh nên việc nắm bắt tình hình tài chính của công ty khi cần thiết là rất khó khăn.
- + Kế toán phải mất rất nhiều công sức trong việc nhập số liệu và nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày nên ảnh hưởng đến tiến độ công việc và các quyết định của Ban lãnh đạo.
- + Các sổ sách mà công ty sử dụng để làm tài liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh vẫn chưa khoa học nên mất nhiều thời gian để lập báo cáo.
- + Việc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh chưa tiến hành thường xuyên, mới chỉ mang tính hình thức chưa đem lại hiệu quả cao. Đây là một hạn chế của công ty khi đưa ra các dự báo tài chính và các biện pháp cụ thể để giảm chi phí tăng lợi nhuận. Công việc phân tích chỉ được tiến hành vào cuối năm theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng nên kiến thức và kinh nghiệm còn yếu. Việc phân tích chỉ dừng lại ở việc kiểm tra các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra. Về công tác lập Báo cáo kết quả kinh doanh, kế toán công ty chỉ căn cứ vào việc khóa sổ các TK từ 5 đến 9 và TK 421, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008.

### **3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Miền Đông.**

Để tiện theo dõi tình hình tài chính của Ban lãnh đạo cũng như những người quan tâm tới công ty có được các thông tin tài chính kịp thời, chính xác. Em xin đưa ra một số kiến nghị về việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty như sau:

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

+ Việc hạch toán kế toán các nghiệp vụ của công ty nên thực hiện trên phần mềm kế toán máy điều này sẽ khiến cho việc xử lý dữ liệu của Công ty được đơn giản hơn, giảm bớt khối lượng công việc cho các kết oán viên đặc biệt là trong việc lập các sổ sách và ghi chép số liệu giữa các sổ.

+ Công ty nên lập Báo cáo kết quả kinh doanh theo quý hoặc theo giữa niên độ kế toán. Như vậy sẽ giúp Ban lãnh đạo công ty cũng như những người quan tâm có được các thông tin tài chính và các thông tin về tình hình hoạt động của công ty một cách nhanh chóng, chính xác từ đó đưa ra các quyết định đầu tư kinh doanh hiệu quả.

+ Để thông tin trên Báo cáo kết quả kinh doanh được chính xác rõ ràng, công ty nên làm tốt công tác chuẩn bị lập Báo cáo tài chính như công ty nên căn cứ vào sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết bán hàng,... để dễ dàng trong việc đối chiếu số liệu. Hơn nữa đây cũng là bước cơ sở để làm tốt công tác phân tích Báo cáo tài chính. Trong bài em xin đưa ra một số mẫu sổ, bảng tổng hợp, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ mà công ty nên xem xét sử dụng trong quá trình lập Báo cáo kết quả kinh doanh:

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 20:**

Đơn vị:.....

Mẫu số S07a- DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT**

Tài khoản:.....

Loại quỹ:.....

NĂM.....

DVT:.....

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Nợ	Có		
				Số tồn đầu kỳ					
				Số phát sinh trong kỳ					
				Cộng số phát sinh trong kỳ	X			X	x
				Số tồn cuối kỳ	X	X	X		X

Ngày..... tháng ..... năm.....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 21:**

Đơn vị: .....

Mẫu số S08 - DN

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: .....

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: .....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT			Thu	Chi	Tồn	
			Số dư đầu kỳ				-	
			Số phát sinh trong kỳ					
			<b>Cộng số phát sinh trong kỳ</b>	X			X	X
			<b>Số dư cuối kỳ</b>	X	X	X		X

Ngày..... tháng ..... năm.....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 22:**

Đơn vị:.....

Mẫu số S35- DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tên sản phẩm:**

**Năm:**

**Quyển số:**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 23:**

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 02a - DOANH NGHIỆP

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC  
)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý....năm.....

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25				
Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10					
Giá vốn hàng bán	11	VI.27				
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26				
Chi phí tài chính	22	VI.28				
Trong đó: chi phí lãi vay	23					
Chi phí bán hàng	24					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30					
Thu nhập khác	31					
Chi phí khác	32					
Lợi nhuận khác	40					
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60					

Lập, ngày... tháng ... năm ...

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

**Biểu số 24:**

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

**Mẫu số B 02b - DOANH NGHIỆP**  
**( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC )**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng tóm lược)

Quý.....năm.....

**ĐVT: VNĐ**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10					
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27				

**Lập, ngày... tháng ... năm ...**

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

Kế toán công ty mới chỉ quan tâm làm rõ nhóm các chỉ tiêu phân tích chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng,... Vì để thu được lợi nhuận sau cùng thì các doanh nghiệp phải bỏ ra một khoản chi phí ban đầu (chi phí đầu vào) cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc phân tích các chi phí đó chưa thể nói lên tốc độ tăng trưởng cũng như các khoản lưu kim mà công ty có được để sử dụng vào tái sản xuất hay đầu tư vào các hoạt động khác.

Việc phân tích tài chính trong nội bộ mỗi doanh nghiệp là rất cần thiết nó sẽ giúp cho công ty nắm chắc được thực trạng kinh doanh, biết được hiệu quả sử dụng vốn của mình và nhờ đó các nhà quản lý sẽ đề ra được những biện pháp hữu hiệu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tiếp theo nhằm phát huy những thế mạnh hiện có đồng thời khắc phục kịp thời những tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo em nên phân tích thêm một số chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh như sau:

**Biểu số 25:**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Ý nghĩa
1. Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	27.3%	24.87%	Ở đây chúng ta chỉ quan tâm tới lãi từ việc bán hàng hóa do công ty sản xuất ra. Lãi đó không bao gồm lãi từ hoạt động tài chính và lãi khác. Chỉ tiêu này phản ánh rất chính xác kết quả kinh doanh thật sự của công ty. Như vậy lợi nhuận năm 2009 giảm đi $27.3 - 24.87 = 2.43$ đồng so với năm 2008.
2. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	27.48%	24.82%	Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả các biện pháp mà công ty đã sử dụng để tăng lợi nhuận trong năm tài chính. Mặc dù trong năm 2009, công ty đã sử dụng rất nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí nhưng lợi nhuận vẫn không bằng năm 2008, nhưng nghĩa vụ của công ty với Nhà nước giảm đi. Điều này được chứng minh bằng lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần năm 2008 hơn năm 2009 là 2.66 đồng,
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	20.61%	18.61%	Lợi nhuận sau thuế là vấn đề mà ban lãnh đạo và các cổ đông quan tâm. Dựa vào tỷ suất này chúng ta thấy được rằng năm 2009 lợi nhuận giảm đi 2 đồng so với năm 2008. Sang năm 2010, vốn tự có của công ty giảm đi, bắt buộc công ty phải tìm các biện pháp huy động vốn cho sản xuất

**Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông**

Ngoài ra kế toán công ty chưa đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các khoản thu nhập đến hoạt động đầu tư của công ty. Các loại hoạt động của công ty bao gồm: Hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Việc phân tích đánh giá kết cấu chi phí và kết quả các loại hoạt động là việc so sánh các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận của các loại hoạt động. Qua đó cho ta thấy được hoạt động nào sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Từ đó công ty có định hướng cho sự phát triển kinh doanh của công ty mình, đưa ra các quyết định nên đầu tư vào lĩnh vực nào để thu được lợi nhuận cao nhất.

Sau đây là bảng phân tích đánh giá sơ bộ kết cấu chi phí, doanh thu, lợi nhuận của công ty năm 2009

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Cộng</b>	<b>Tỷ trọng (100%)</b>
Hoạt động kinh doanh	33,312,184,144	25,795,400,305	7,516,783,839	90.92
Hoạt động tài chính	771,803,991	3,127,954	768,676,037	9.30
Hoạt động khác	15,860,905	33,913,000	-18,052,095	-0.22
Tổng cộng	34,099,849,040	25,832,441,259	8,267,407,781	100

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Trong năm 2009, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty chiếm tỷ trọng 90,92% trong khi lợi nhuận từ hoạt động tài chính chỉ chiếm 9.3% và lợi nhuận từ hoạt động khác chiếm tỷ trọng < 0% vì trong năm công ty phải bỏ ra một khoản chi phí bất thường khá lớn trong khi doanh thu từ hoạt động bất thường không cao. Như vậy trong ba hoạt động trên thì hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Qua đây ta thấy điểm đặc biệt trong kinh doanh của công ty đó là công ty chỉ chú trọng vào đầu tư sản xuất kinh doanh mà chưa có sự quan tâm tới hoạt động đầu tư tài chính. Doanh thu thu được từ hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng. Công ty còn thiếu thông tin về danh mục các loại hoạt động đầu tư tài chính trên thị trường

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

Chứng từ, sổ sách theo dõi hoạt động đầu tư tài chính và đầu tư khác của công ty còn có nhiều hạn chế chưa đáp ứng được việc theo dõi và phân tích tình hình hoạt động tài chính và hoạt động khác của công ty.

Để góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đặc biệt là hoạt động đầu tư tài chính. Em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp sau với hy vọng sẽ giúp được công ty có thể phát triển:

+ Đổi mới và nâng cao phương thức sản xuất kinh doanh bằng cách đầu tư tìm hiểu các dây chuyền công nghệ mới hiện đại, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và nâng cao lợi nhuận. Như vậy công ty có thể tăng khả năng tích lũy, quay vòng vốn nhanh và giúp công ty thoát khỏi tình trạng thiếu vốn kinh doanh.

+ Kiểm tra giám sát thường xuyên tình hình tài chính của công ty để huy động nguồn vốn nhân rồi hay sử dụng kém hiệu quả từ các hoạt động khác.

+Nâng cao hệ thống kế toán quản trị để có những thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho việc phân tích thường xuyên hoạt động tài chính và hoạt động khác để đạt được kết quả cao nhất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn .

+ Thường xuyên phân tích đánh giá kết quả từ hoạt động tài chính nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc chỉ đạo tham gia vào hoạt động đầu tư tài chính đạt hiệu quả cao.

+ Hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động có độ rủi ro ca. Do vậy công ty nên xây dựng một đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính.

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán của công ty làm cơ sở đánh giá hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản tác động đến kết quả sản xuất chung của công ty . Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính là việc so sánh giữa các chỉ tiêu phân tích .

Lợi nhuận là kết quả tài chính cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, là chỉ tiêu chất lượng để đánh giá hiệu quả kinh tế của các hoạt động của doanh nghiệp. Từ góc độ doanh nghiệp có thể thấy rằng lợi nhuận của doanh nghiệp là

***Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh  
tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông***

---

khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để đạt được doanh thu đó từ các hoạt động của doanh nghiệp đưa lại.

Do vậy phân tích chung tình hình lợi nhuận là đánh giá sự biến động lợi nhuận của toàn công ty , của từng bộ phận., lợi nhuận giữa kỳ này với kỳ trước nhằm thấy khái quát tình hình lợi nhuận và những nguyên nhân ban đầu ảnh hưởng tới tình hình trên.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình kế toán doanh nghiệp / Trường đại học kinh tế quốc dân
2. Phân tích tài chính doanh nghiệp / JosettePeyrard
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp - NXB Giao thông vận tải
4. Chế độ kế toán Việt Nam - NXB Lao động xã hội
5. Phân tích tài chính công ty cổ phần - Trường đại học kinh tế quốc dân
6. Nguồn số liệu Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông



## **KẾT LUẬN**

Học để hiểu được lý thuyết đã khó và để áp dụng được lý thuyết vào thực tế lại càng khó hơn. Những kiến thức mà ta đã được học qua sách vở là những cái mà ta chỉ biết chấp nhận còn khi những kiến thức ấy được thực hành qua thực tế, được thực tế chứng minh chính là những điều khiến ta công nhận, nó là cả một quá trình từ học tập, tìm tòi, tích lũy và ứng dụng thực tiễn.

Qua quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần xây dựng Miền Đông, em nhận thấy công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn cao. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, vì thời gian tìm hiểu còn hạn chế, trình độ kiến thức chuyên môn chưa sâu sắc cho nên khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi thiếu sót hoặc ý kiến chưa thực sự xác đáng. Chính vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, hướng dẫn của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!